

**SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH AN GIANG
TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT – TỔNG HỢP AN GIANG**



**CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT MÔN HỌC, MÔ ĐUN
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
(ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ SỞ)**

NGÀNH/ NGHỀ: NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NƯỚC NGỌT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)*

Châu Đốc, tháng 8 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT MÔN HỌC TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH.

Mã môn học: MH02073

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 21 giờ; Thực hành: 21 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

- Tính chất của môn học: Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

- Về kỹ năng:

+ Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

+ Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

+ Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

+ Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

+ Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

+ Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
9	Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	2	8	
10	Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
11	Kiểm tra	2			2
	Cộng	45	21	21	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Nhập môn giáo dục quốc phòng và an ninh

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung:

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TL: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung:

2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TL: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung:

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới, quốc gia

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TL: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung:

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TL: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;

- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung:

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TL: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung:

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

*** Kiểm tra**

Thời gian: 1 giờ

Bài 7: Đội ngũ đơn vị

Thời gian: 4 giờ (LT: 1 giờ; TH: 3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung:

2.1. Đội hình tiểu đội

- 2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang
- 2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang
- 2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc
- 2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc
- 2.2. Đội hình trung đội
- 2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang
- 2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang
- 2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang
- 2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc
- 2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc
- 2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc
- 2.3. Đổi hướng đội hình
- 2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ
- 2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi
- 2.4. Thực hành

Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

Thời gian: 10 giờ (LT: 2 giờ; TH: 8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.3. Thực hành

Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương

Thời gian: 6 giờ (LT: 1 giờ; TH: 5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung:

2.1. Cầm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

*** Kiểm tra**

Thời gian: 2 giờ

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị máy móc:

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cấp cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thắt lưng;
- + Giày da;

- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục học sinh giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thắt lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu: Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh trình độ trung cấp;
- Tranh in: Súng tiểu liên AK, súng trường CKC; các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC; cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn; các động tác vận động trong chiến đấu.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá bằng phương pháp kiểm tra trắc nghiệm học sinh cần đạt được các yêu cầu nội dung cơ bản về giáo dục quốc phòng – an ninh.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hiện thành thạo những nội dung đã học vào thực tế sinh hoạt và học tập trong nhà trường, địa phương.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, say mê môn học;

+ Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh dùng cho học sinh đào tạo trình độ trung cấp cho tất cả các ngành đào tạo của trường.

- Với học sinh là bộ đội xuất ngũ có thể miễn học các bài: 7, 8, 9 theo Luật giáo dục quốc phòng – an ninh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên:

+ Khi giảng dạy nên sử dụng các hình ảnh trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả một cách tỉ mỉ, chính xác các kiến thức môn học;

+ Sử dụng các thiết bị của môn học;

+ Khi hướng dẫn thực hành cần sử dụng các mô hình thật, giáo viên phải bám sát hỗ trợ người học kỹ năng, uốn nắn các thao tác cơ bản.

- Đối với người học: Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu, ghi chép đầy đủ và tích cực luyện tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 2, 4, 6, 8.

4. Tài liệu tham khảo:

- Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

- Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

- Luật Biên giới quốc gia, 2004.

- Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.

- Luật an ninh quốc gia, 2004.

- Bộ luật hình sự, 2015.

- Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.
- Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
- Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
- Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
- Luật biển Việt Nam, 2012.
- Luật Dân quân tự vệ, 2009.
- Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
- Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
- Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
- Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
- Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
- Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
- Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
- Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
- Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
- Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
- Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.

- Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
- Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.
- Sách dạy bắn súng trung liên RPĐ, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.
- Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Mã môn học: MH02072

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận: 13 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

- Tính chất của môn học: Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp; góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

- Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lê nin	4	2	2	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	5	3	2	
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
7	Kiểm tra	2			2
	Cộng	30	15	13	02

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu

Thời gian: 1 giờ (LT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung:

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác- Lênin

Thời gian: 4 giờ (LT: 2 giờ; TL: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, nội dung chính và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển của xã hội;

- Khẳng định được chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh

Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ; TL: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, một số nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

- Có nhận thức đúng đắn và bước đầu vận dụng tốt kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phong cách cá nhân.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ; TL: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung:

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam

Thời gian: 10 giờ (LT: 5 giờ; TL: 5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp cơ bản xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung:

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

Thời gian: 3 giờ (LT: 1 giờ; TL: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung:

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

*** Kiểm tra**

Thời gian: 2 giờ

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, màn chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;
4. Các điều kiện khác: Không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Nắm được các kiến thức cơ bản của từng bài.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc liên hệ kiến thức bài học với thực tế địa phương và nghề nghiệp tương lai của mình.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Giáo dục chính trị được sử dụng để giảng dạy cho học sinh đào tạo trình độ trung cấp ở các ngành học.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với Giáo viên: Đây là môn học khá trừu tượng, khó hiểu, mau quên, dễ dẫn tới tâm lý nhàm chán. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 2, 3, 4 và 5.

4. Tài liệu tham khảo:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

- Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

- Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

- Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 07/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận
- Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận
- Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-
Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận
- Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận
- Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

- Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

- Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã môn học: MH01074

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 4 giờ; Thực hành: 24 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

- Tính chất của môn học: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

- Về kỹ năng: Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Chương/bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1		
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG	15	2	12	1
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	6	1	5	
2	Bài 2: Điền kinh	8	1	7	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	1			1
III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ	14	1	12	1

TT	Chương/bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	DỰC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)				
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	14	1	12	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	14	1	12	1
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	14	1	12	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	14	1	12	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	14	1	12	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	14	1	12	1
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	14	1	12	1
	Cộng	30	4	24	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu

Thời gian: 1 giờ (LT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung:

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: Giáo dục thể chất chung

Thời gian: 15 giờ (LT: 2 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

Bài 1: Thể dục cơ bản

Thời gian: 6 giờ (LT: 1 giờ; TH: 5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản đối với bài thể dục tay không liên hoàn;

- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của bài thể dục tay không liên hoàn.

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: Điền kinh

Thời gian: 8 giờ (LT: 1 giờ; TH: 7 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung:

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

*** Kiểm tra**

Thời gian: 1 giờ

Chương II: Chuyên đề thể dục thể thao tự chọn

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

Chuyên đề 1: Môn Bơi lội

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bơi lội.

2. Nội dung:

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: Môn Cầu lông

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Cầu lông.

2. Nội dung:

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: Môn Bóng chuyền

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;

- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung:

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: Môn Bóng rổ

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;

- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng rổ.

2. Nội dung:

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.5. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: Môn Bóng đá

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng đá.

2. Nội dung:

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/không chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

2.2.5. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên

2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: Môn Bóng bàn

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng bàn.

2. Nội dung:

2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác

Thời gian: 14 giờ (LT: 1 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

- Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị:

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác: Không

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Nắm vững được một số kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của các môn thể dục thể thao được quy định trong chương trình, trên cơ sở đó tự rèn luyện sức khỏe trong quá trình học tập, lao động sản xuất.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản của một số môn thể dục thể thao quy định trong chương trình.

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có thói quen vận động, tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe thường xuyên.

+ Có tinh thần siêng năng trong tập luyện.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Giáo dục thể chất được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp các ngành đào tạo của trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên:
- + Phương pháp giảng giải
- + Phương pháp trực quan
- + Phương pháp tập luyện

- Đối với người học:
- + Lắng nghe, tiếp thu
- + Tập luyện

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 1 và 2.

4. Tài liệu tham khảo:

- Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

- Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
- Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
- Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
- Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: TIN HỌC

Mã môn học: MH02231

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

- Tính chất của môn học: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được một số nội dung trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.
- Về kỹ năng:
 - + Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;
 - + Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
 - + Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;
 - + Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;
 - + Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;
 - + Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;
 - + Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

+ Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I: Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	4	3	1	
2	Chương II: Sử dụng máy tính cơ bản	4	2	2	
3	Chương III: Xử lý văn bản cơ bản	15	3	12	
4	Chương IV: Sử dụng bảng tính cơ bản	9	3	6	
5	Chương V: Sử dụng trình chiếu cơ bản	8	2	6	
6	Chương VI: Sử dụng Internet cơ bản	4	2	2	
7	Kiểm tra	1			1
	Cộng	45	15	29	1

2. Nội dung chi tiết:

Chương I: Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

2. Nội dung:

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

Chương II: Sử dụng máy tính cơ bản

Thời gian: 4 giờ (LT: 2 giờ; TH, TL, BT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, phần mềm tiện ích, tiếng Việt trong máy tính, máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Tạo và xóa được thư mục, tập tin; sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung:

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Một số phần mềm tiện ích

2.3.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.3.2. Phần mềm diệt virus

2.4. Sử dụng tiếng Việt

2.4.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.4.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.4.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.5. Sử dụng máy in

2.5.1. Lựa chọn máy in

2.5.2. In

Chương III: Xử lý văn bản cơ bản

Thời gian: 15 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 12 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về văn bản và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản;

- Sử dụng được phần mềm soạn thảo Microsoft Word để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu, in được văn bản.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản

2.2.3.4.1. Bảng (Table)

2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)

2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)

2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt

2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes

2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)

2.2.3.6. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)

2.2.4. In văn bản

Chương IV: Sử dụng bảng tính cơ bản

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;

- Sử dụng được phần mềm Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản.

2. Nội dung:

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xóa dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Biểu thức và hàm

2.5.1. Biểu thức số học

2.5.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.5.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.5.1.3. Các lỗi thường gặp

2.5.2. Hàm

2.5.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.5.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.5.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND)

2.5.2.4. Hàm điều kiện IF

2.5.2.5. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR)

2.5.2.6. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6. Định dạng ô, dãy ô

2.6.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.6.2. Định dạng văn bản

2.6.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.7. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.7.1. Trình bày trang tính để in

2.7.2. Kiểm tra và in

2.7.3. Phân phối trang tính

Chương V: Sử dụng trình chiếu cơ bản

Thời gian: 8 giờ (LT: 2 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu một số nội dung đơn giản.

2. Nội dung:

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI: Sử dụng internet cơ bản

Thời gian: 4 giờ (LT: 2 giờ; TH, TL, BT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;

- Sử dụng được các thao tác đơn giản trong trình duyệt Web, nhận và soạn thảo trả lời thư điện tử; tìm kiếm thông tin.

- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung:

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3. Tìm kiếm thông tin (Search)

2.2.4. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.3. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.3.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.3.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.3.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.3.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

*** Kiểm tra** Thời gian: 1 giờ

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giáo viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác: Không

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra thực hành, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau: Làm việc với các thành phần trên cửa sổ Desktop, các chương trình ứng dụng, Windows Explorer, Control Panel, cách bỏ dấu tiếng Việt trong Windows, soạn thảo văn bản với Word, thực hiện tính toán với Excel và tạo bài thuyết trình bằng Powerpoint.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập thực hành trên máy tính.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, say mê môn học;

+ Thực hành các bài tập và tham khảo thêm tài liệu.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Tin học được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Kết hợp việc giảng dạy lý thuyết với việc mô phỏng các thao tác trên máy tính thông qua phần mềm Netsupport School để học sinh dễ hình dung. Đồng thời áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

. - **Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.**

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 2, 3, 4, 5, 6.

4. Tài liệu tham khảo:

- Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.

- Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

- Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

- Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

- Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

- Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiền, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

- Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiền, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.

- Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

- Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: TIẾNG ANH

Mã môn học: MH04226

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

- Tính chất của môn học: Chương trình môn học Tiếng Anh này bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

Sau khi học xong chương trình ở trình độ trung cấp, người học đạt được trình độ năng lực Tiếng Anh Bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

- Về kiến thức:

+ Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

+ Kỹ năng nói: Đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

+ Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

+ Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

+ Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	9	3	4	2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	9	3	4	2
	Cộng	90	30	56	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Gia đình;

2.1.2. Nghề nghiệp;

2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Động từ “to be”;

2.2.2. Tính từ sở hữu;

2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;

2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;

2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3: Địa điểm (Places)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;

- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

- Hỏi về số lượng;

- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;

- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với ***much*** hoặc ***many***;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 4 giờ; KT: 2 giờ)

Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;

2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;

2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7: Các hoạt động hằng ngày (Activities)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hằng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hằng ngày;
- Nói về các hoạt động hằng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hằng ngày;

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: **play, go** và **do**;

- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Sở thích;
- 2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;
- 2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)

Thời gian: 9 giờ (LT: 3 giờ; TH, TL, BT: 4 giờ; KT: 2 giờ)

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

- Khuyến khích trường trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

- Kỹ năng:

- + Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.

- + Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.

- + Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- + Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung được sử dụng để giảng dạy cho học sinh đào tạo trình độ trung cấp.

- Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc đã thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình này và chương trình học trung học phổ thông mà người học đã hoàn thành để xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình môn học cho phù hợp, bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 1 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo tác theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 90 giờ trên lớp, giáo viên nên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 110 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt năng lực A1 theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp.

4. Những trọng tâm cần chú ý: Từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng ở các bài là những kiến thức trọng tâm học sinh cần nắm vững.

5. Tài liệu tham khảo:

- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

- Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

- Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

- Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.
- Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: PHÁP LUẬT

Mã môn học: MH01185

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (Lý thuyết: 9 giờ; Thảo luận, bài tập: 5 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

- Tính chất của môn học: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Về kỹ năng:

+ Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

+ Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương/bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật lao động	7	5	2	
4	Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
5	Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
6	Kiểm tra	1			1
	Cộng	15	9	5	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật

Thời gian: 2 giờ (LT: 1 giờ; TL, BT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung:

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2: Hiến pháp

Thời gian: 2 giờ (LT: 1 giờ; TL, BT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung:

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3: Pháp luật lao động

Thời gian: 7 giờ (LT: 5 giờ; TL, BT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng

Thời gian: 2 giờ (LT: 1 giờ; TL, BT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;

- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm tham nhũng

2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng

2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng

2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng

2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Thời gian: 1 giờ (LT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;

- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung:

2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng

2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

*** Kiểm tra**

Thời gian: 1 giờ

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.
4. Các điều kiện khác: Không

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:
 - Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tình huống pháp luật, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:
 - + Hệ thống kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật;
 - + Kiến thức pháp luật chuyên ngành liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;
 - + Kiến thức pháp luật về Phòng chống tham nhũng.
 - Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, say mê môn học.
2. Phương pháp:
 - Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Pháp luật được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 - Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế đời sống, nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện người lao động trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và trong cộng đồng. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây

được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, lồng ghép đưa vào những tình huống pháp luật, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Tăng cường thảo luận, luyện tập tình huống pháp luật nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài 2, 3 và 4.

4. Tài liệu tham khảo:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

- Bộ Luật lao động, 2012.

- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.

- Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.

- Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.

- Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.

- Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).

- Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.

- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: SINH LÝ ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

Mã môn học: MH03210

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 2
- Tính chất của môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Hiểu được những kiến thức cơ bản về hoạt động sinh lý động vật thủy sản để ứng dụng vào thực tế của ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

- Về kỹ năng: Đánh giá được chức năng sinh lý bất thường của động vật thủy sản, khi có sự tác động từ các yếu tố bên ngoài.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Mở đầu 1.1. Đại cương về môn học 1.2. Đặc điểm cơ thể sống 1.3. Sự điều hòa chức năng của cơ thể	2	2		
2	Chương 2: Sinh lý máu 2.1. Đại cương về thể dịch, môi trường trong 2.2. Thành phần hóa học và đặc tính của	7	3	4	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	máu 2.3. Các tế bào máu 2.4. Sự tuần hoàn của máu 2.5. Thực hành				
3	Chương 3: Sinh lý hô hấp 3.1. Môi trường hô hấp của động vật thủy sản 3.2. Cơ chế hô hấp của động vật thủy sản 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp 3.4. Thực hành	12	3	8	1
4	Chương 4: Sinh lý tiêu hóa 4.1. Tìm kiếm thức ăn và bắt mồi 4.2. Tiêu hóa cơ học 4.3. Tiêu hóa hóa học 4.4. Sự hấp thu các chất dinh dưỡng 4.5. Sự hấp thu các thành phần dinh dưỡng 4.6. Phân trăm tỷ lệ tiêu hóa 4.7. Tốc độ tiêu hóa 4.8. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tiêu hóa 4.9. Thực hành	8	4	4	
5	Chương 5: Sinh lý tiết niệu 5.1. Ý nghĩa 5.2. Đặc điểm tiết niệu	7	3	4	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	5.3. Sự điều hòa áp suất thẩm thấu 5.4. Thực hành				
6	Chương 6: Sinh lý trao đổi chất và dinh dưỡng 6.1. Khái niệm 6.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến trao đổi chất của cá 6.3. Trao đổi vật chất 6.4. Trao đổi năng lượng 6.5. Quan hệ giữa sinh trưởng và trao đổi chất 6.6. Thực hành	9	4	4	1
7	Chương 7: Sinh lý nội tiết 7.1. Khái niệm về tuyến nội tiết và hormon 7.2. Tuyến trên thận 7.3. Tuyến giáp trạng 7.4. Tuyến tụy nội tiết 7.5. Tuyến sinh dục nội tiết 7.6. Vùng dưới đồi 7.7. Tuyến yên (tuyến não thùy)	4	4		
8	Chương 8: Sinh lý sinh sản 8.1. Khái niệm về sinh sản 8.2. Sự thành thục về tính và tuổi thành	11	6	4	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	thực 8.3. Sự biến đổi của TB trứng trong quá trình thành thực 8.4. Sự biến đổi tế bào sinh dục đực trong quá trình thành thực sinh dục 8.5. Sự thụ tinh và cơ chế nở 8.6. Sự phát triển của phôi 8.7. Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến sự sinh sản 8.8. Thực hành				
	Cộng	60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Mở đầu

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu đặc điểm của một cơ thể sống, sự điều hòa các chức năng trong cơ thể động vật thủy sản.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về môn học

2.2. Đặc điểm cơ thể sống

2.3. Sự điều hòa chức năng của cơ thể

Chương 2: Sinh lý máu

Thời gian: 7 giờ (LT: 3 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được thành phần hóa học, đặc tính và sự tuần hoàn của máu trong cơ thể động vật thủy sản;

- Xác định được lượng tiêu hao oxy của động vật thủy sản làm thí nghiệm.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về thể dịch, môi trường trong

2.2. Thành phần hóa học và đặc tính của máu

2.3. Các tế bào máu

2.4. Sự tuần hoàn của máu

2.5. Thực hành

Chương 3: Sinh lý hô hấp

Thời gian: 12 giờ (LT: 3 giờ; TH: 8 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nắm vững cơ chế hô hấp của động vật thủy sản, từ đó ứng dụng vào quy trình kỹ thuật ương nuôi;
- Xác định được ngưỡng oxy của một số đối tượng động vật thủy sản làm thí nghiệm.

2. Nội dung chương:

2.1. Môi trường hô hấp của động vật thủy sản

2.2. Cơ chế hô hấp động vật thủy sản

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp

2.4. Thực hành

Chương 4: Sinh lý tiêu hóa

Thời gian: 8 giờ (LT: 4 giờ; TH: 4)

1. Mục tiêu:

- Nắm vững cơ chế tiêu hóa thức ăn từ đó ứng dụng cụ thể vào cho ăn;
- Xác định được tính ăn của từng loài động vật thủy sản.

2. Nội dung chương:

2.1. Tìm kiếm thức ăn và bắt mồi

2.2. Tiêu hóa cơ học

2.3. Tiêu hóa hóa học

- 2.4. Sự hấp thu các chất dinh dưỡng
- 2.5. Sự hấp thu các thành phần dinh dưỡng
- 2.6. Phần trăm tỷ lệ tiêu hóa
- 2.7. Tốc độ tiêu hóa
- 2.8. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tiêu hóa
- 2.9. Thực hành

Chương 5: Sinh lý tiết niệu

Thời gian: 7 giờ (LT: 3 giờ; TH: 4 giờ)

- 1. Mục tiêu:
 - Hiểu rõ ý nghĩa, đặc điểm tiết niệu ở động vật thủy sản và sự điều hòa áp suất thẩm thấu ở cá để thích nghi với điều kiện môi trường;
 - Xác định chính xác ngưỡng pH của động vật thủy sản làm thí nghiệm.
- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Ý nghĩa
 - 2.2. Đặc điểm tiết niệu
 - 2.3. Sự điều hòa áp suất thẩm thấu
 - 2.4. Thực hành

Chương 6: Sinh lý trao đổi chất và dinh dưỡng

Thời gian: 9 giờ (LT: 4 giờ; TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

- 1. Mục tiêu:
 - Hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến trao đổi chất ở động vật thủy sản và giải thích được mối quan hệ giữa sinh trưởng với trao đổi chất;
 - Xác định được ngưỡng nhiệt độ và độ mặn của động vật thủy sản làm thí nghiệm.
- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến trao đổi chất
 - 2.3. Trao đổi vật chất
 - 2.4. Trao đổi năng lượng

2.5. Quan hệ giữa sinh trưởng và trao đổi chất

2.6. Thực hành

Chương 7: Sinh lý nội tiết

Thời gian: 4 giờ (LT: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được tầm quan trọng của các tuyến nội tiết trong cơ thể cá và ứng dụng của tuyến não thùy trong kích thích sinh sản.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm về tuyến nội tiết và hormon

2.2. Tuyến trên thận

2.3. Tuyến giáp trạng

2.4. Tuyến tụy nội tiết

2.5. Tuyến sinh dục nội tiết

2.6. Vùng dưới đồi

2.7. Tuyến yên (tuyến não thùy)

Chương 8: Sinh lý sinh sản

Thời gian: 11 giờ (LT: 6 giờ; TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Phân biệt được các giai đoạn phát triển của tuyến sinh dục và các yếu tố ảnh hưởng đến sự sinh sản;

- Xác định được giai đoạn thành thục của động vật thủy sản làm thí nghiệm.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm về sinh sản

2.2. Sự thành thục về tính và tuổi thành thục

2.3. Sự biến đổi của tế bào trứng trong quá trình thành thục

2.4. Sự biến đổi tế bào sinh dục đực trong quá trình thành thục sinh dục

2.5. Sự thụ tinh và cơ chế nở

2.6. Sự phát triển của phôi

2.7. Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến sự sinh sản

2.8. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, phòng thực hành
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.
4. Các điều kiện khác: Không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:
 - Kiến thức: Trình bày được các đặc điểm sinh lý của cá và khả năng thích ứng với sự thay đổi môi trường.
 - Kỹ năng: Ứng dụng các kiến thức về sinh lý động vật thủy sản vào thực tế sản xuất để đạt hiệu quả kinh tế.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, say mê môn học.
2. Phương pháp:
 - Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Sinh lý động vật thủy sản dùng giảng dạy cho học sinh đào tạo trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 - Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho người học, giúp cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.
 - Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.
3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 3, 4, 6, 7, 8.

4. Tài liệu tham khảo:

- Đỗ Thị Thanh Hương- Trần Thị Thanh Hiền, 2000. *Bài giảng sinh lý động vật thủy sản*. Đại học Cần Thơ.
- Lê Thanh Tùng, 2010. *Bài giảng môn Sinh lý động vật thủy sản*. Đại học An Giang.
- Nguyễn Tường Anh, 1999. *Một số vấn đề nội tiết học sinh sản của cá*. Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I- Học viện công nghệ Á Châu.
- Nguyễn Văn Tư, 2005. *Sinh lý cá và giáp xác*. Đại học Nông Lâm TP.HCM.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: SINH VẬT THỦY SINH

Mã môn học: MH03214

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra 2 giờ).

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 2.
- Tính chất của môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về hình thái cấu tạo, đặc điểm sinh học và ý nghĩa của một số loài sinh vật thủy sản nước ngọt thường gặp; So sánh được các điểm khác nhau về hình thái cấu tạo, đặc điểm sinh học, vai trò ý nghĩa một số loài sinh vật thủy sản trong thủy vực.

- Về kỹ năng: Biết cách thu mẫu và phân tích mẫu sinh vật thủy sản nước ngọt về định tính và định lượng; Sử dụng thành thạo các thiết bị, dụng cụ dùng thu mẫu, phân tích mẫu; Thực hiện chính xác thao tác định tính và định lượng sinh vật thủy sản.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về sinh vật thủy sản nước ngọt 1.1. Động vật thủy sản 1.2. Thực vật thủy sản	2	2		
2	Chương 2: Nguyên sinh động vật (Protozoa) 2.1. Đặc điểm chung 2.2. Hình thái, cấu tạo 2.3. Hình thức sinh sản, sinh trưởng 2.4. Ý nghĩa 2.5. Thực hành	7	3	4	
3	Chương 3: Giáp xác chân chèo (Copepoda)	7	3	4	

Số TT	Chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	3.1. Đặc điểm chung 3.2. Hình thái, cấu tạo 3.3. Hình thức sinh sản, sinh trưởng 3.4. Ý nghĩa 3.5. Thực hành				
4	Chương 4: Giáp xác râu ngành (Cladocra) 4.1. Đặc điểm chung 4.2. Hình thái, cấu tạo 4.3. Hình thức sinh sản, sinh trưởng 4.4. Ý nghĩa 4.5. Thực hành	9	4	4	1
5	Chương 5: Tảo lam – thanh tảo (Cyanophyta) 5.1. Đặc điểm chung 5.2. Hình thái, cấu tạo 5.3. Hình thức sinh sản, sinh trưởng 5.4. Ý nghĩa 5.5. Thực hành	9	5	4	
6	Chương 6: Tảo silic – tảo khuê (Bacillariophyta) 6.1. Đặc điểm chung 6.2. Hình thái, cấu tạo 6.3. Hình thức sinh sản, sinh trưởng 6.4. Ý nghĩa 6.5. Thực hành	8	4	4	
7	Chương 7: Tảo lục (Chlorophyta) 7.1. Đặc điểm chung 7.2. Hình thái, cấu tạo 7.3. Hình thức sinh sản, sinh trưởng 7.4. Ý nghĩa 7.5. Thực hành	8	4	4	

Số TT	Chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
8	Chương 8: Thực vật thủy sinh thượng đẳng (Macrophytes) 8.1. Đặc điểm chung 8.2. Hình thái, cấu tạo 8.3. Hình thức sinh sản, sinh trưởng 8.4. Ý nghĩa 8.5. Thực hành	10	5	4	1
	Cộng	60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Đại cương về sinh vật thủy sản nước ngọt

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được đặc điểm hình thái, cấu tạo và các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật thủy sản nước ngọt;
- Hiểu được nguyên tắc thu mẫu và thực hiện được việc thu và cố định mẫu sinh vật thủy sản nước ngọt.

2. Nội dung chương :

2.1. Động vật thủy sinh

2.2. Thực vật thủy sinh

Chương 2: Nguyên sinh động vật (Protozoa)

Thời gian: 7 giờ (LT: 3 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được đặc điểm, cấu tạo hình thái; sự sinh trưởng và phát triển; ý nghĩa, vai trò của Protozoa.

- Thực hiện thành thạo phân tích định tính, định lượng Protozoa.

2. Nội dung chương:

2.1. Đặc điểm chung

2.2. Hình thái, cấu tạo

2.3. Hình thức sinh sản, sinh trưởng

2.4. Ý nghĩa

2.5. Thực hành

Chương 3: Giáp xác chân chèo (Copepoda)

Thời gian: 7 giờ (LT: 3 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được đặc điểm, cấu tạo hình thái; sự sinh trưởng và phát triển; ý nghĩa, vai trò của Copepoda.

2. Nội dung chương:

2.1. Đặc điểm chung

2.2. Hình thái, cấu tạo

2.3. Hình thức sinh sản, sinh trưởng

2.4. Ý nghĩa

2.5. Thực hành

Chương 4: Giáp xác râu ngành (Cladocra)

Thời gian: 9 giờ (LT: 4 giờ; TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được đặc điểm, cấu tạo hình thái; sự sinh trưởng và phát triển; ý nghĩa, vai trò của Cladocra.

- Thực hiện thành thạo phân tích định tính, định lượng Cladocra.

2. Nội dung chương:

2.1. Đặc điểm chung

2.2. Hình thái, cấu tạo

2.3. Hình thức sinh sản, sinh trưởng

2.4. Ý nghĩa

2.5. Thực hành

Chương 5: Tảo lam – thanh tảo (Cyanophyta)

Thời gian: 9 giờ (LT: 5 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được đặc điểm, cấu tạo hình thái; sự sinh trưởng và phát triển; ý nghĩa, vai trò của Cyanophyta.

- Thực hiện thành thạo phân tích định tính, định lượng Cyanophyta.

2. Nội dung chương:

2.1. Đặc điểm chung

2.2. Hình thái, cấu tạo

2.3. Hình thức sinh sản, sinh trưởng

2.4. Ý nghĩa

2.5. Thực hành

Chương 6: Tảo silic – tảo khuê (Bacillariophyta)

Thời gian: 8 giờ (LT: 4 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được đặc điểm, cấu tạo hình thái; sự sinh trưởng và phát triển; ý nghĩa, vai trò của Bacillariophyta.

- Thực hiện thành thạo phân tích định tính, định lượng Bacillariophyta.

2. Nội dung chương:

2.1. Đặc điểm chung

2.2. Hình thái, cấu tạo

2.3. Hình thức sinh sản, sinh trưởng

2.4. Ý nghĩa

2.5. Thực hành

Chương 7: Tảo lục (Chlorophyta)

Thời gian: 8 giờ (LT: 4 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được đặc điểm, cấu tạo hình thái; sự sinh trưởng và phát triển; ý nghĩa, vai trò của Chlorophyta.

- Thực hiện thành thạo phân tích định tính, định lượng Chlorophyta.

2. Nội dung chương:

2.1. Đặc điểm chung

2.2. Hình thái, cấu tạo

2.3. Hình thức sinh sản, sinh trưởng

2.4. Ý nghĩa

2.5. Thực hành

Chương 8: Thực vật thủy sinh thượng đẳng (Macrophytes)

Thời gian: 10 giờ (LT: 5 giờ; TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được đặc điểm, cấu tạo hình thái; sự sinh trưởng và phát triển; ý nghĩa, vai trò của Macrophytes;

2. Nội dung chương:

2.1. Đặc điểm chung

2.2. Hình thái, cấu tạo

2.3. Hình thức sinh sản, sinh trưởng

2.4. Ý nghĩa

2.5. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, phòng thực hành.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, giáo án, dụng cụ, thiết bị, mẫu.
4. Các điều kiện khác: Không

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận; người học cần đạt yêu cầu kiến thức gồm các nội dung sau:

+ Hiểu được đặc điểm, sự sinh trưởng và phát triển cũng như vai trò ý nghĩa của sinh vật thủy sinh nước ngọt trong nuôi trồng thủy sản.

- Kỹ năng: Sử dụng thành thạo dụng cụ, thiết bị và thực hiện phân tích định tính, định lượng sinh vật thủy sinh nước ngọt.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Sinh vật thủy sinh sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho người học, làm cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 1, 4, 5, 6, 7 và 8.

4. Tài liệu tham khảo:

- Lê Thị Bình, 2000. *Bài giảng Thủy sinh động vật*. Trường Đại học Nông lâm, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thái Trần Bái, 2001. *Động vật học không xương sống*. Nhà xuất bản Giáo dục;
- Dương Trí Dũng, 2000. *Bài giảng Động vật thủy sinh*. Trường Đại học Cần Thơ;
- Nguyễn Hữu Đại, 1999. *Thực vật thủy sinh*. Nhà xuất bản Nông nghiệp;
- Trịnh Trường Giang, 1998. *Giáo trình Thủy sinh thực vật*. Tài liệu nội bộ Đại học Cần Thơ.
- Đặng Thị Thanh Hòa, 2012. *Bài giảng Thực vật thủy sinh*. Đại Học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh;
- Đặng Đình Kim và Đặng Hoàng Phước Hiền, 1999. *Công nghệ sinh học vi tảo*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội;
- Lê Trọng Sơn, 2006. *Giáo trình động vật học*. Đại học Huế;
- Nguyễn Văn Thuận, Lê Trọng Sơn, 2004. *Động vật học không xương sống*. Đại học Huế;

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Mã số môn học: MH02199

Thời gian môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; thực hành: 28 giờ; KT: 2 giờ).

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 2
- Tính chất môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Hiểu được tính chất, sự biến động của các yếu tố vật lý, hóa học và sinh học trong môi trường nước; Nắm vững biện pháp quản lý các yếu tố chất lượng môi trường nước.

- Về kỹ năng: Biết sử dụng các dụng cụ, thiết bị để thu mẫu và đo một số chỉ tiêu chất lượng môi trường nước.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với học phần.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Nước – môi trường sống của thủy sinh vật 1.1. Nguồn nước trong nuôi trồng thủy sản 1.2. Đặc tính của môi trường nước thuận lợi cho đời sống của thủy sinh vật 1.3. Sự phân chia các vùng sinh thái theo nồng độ muối hoà tan 1.4. Chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản 1.5. Thực hành	6	2	4	

2	Chương 2: Đặc tính vật lý của môi trường nước 2.1. Ánh sáng 2.2. Nhiệt độ 2.3. Độ trong và độ đục 2.4. Màu sắc và mùi vị 2.5. Thực hành	7	3	4	
3	Chương 3: Đặc tính hóa học và các quá trình sinh học trong môi trường nước ao nuôi 3.1. Thành phần hóa học của nước thiên nhiên 3.2. Đặc tính hóa học của môi trường nước 3.3. Đất ao và đặc tính nền đáy ao 3.4. Các quá trình sinh học trong thủy vực 3.5. Cỏ dại và các biện pháp kiểm soát trong ao nuôi 3.6. Dinh dưỡng hóa - ô nhiễm nước 3.7. Thực hành	23	6	16	1
4	Chương 4: Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản 4.1. Chọn điểm, chất lượng đất và nguồn nước 4.2. Quản lý chất lượng nước ao nuôi 4.3. Xử lý và tái sử dụng nước ao nuôi 4.4. Thực hành	9	4	4	1
	Cộng	45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Nước – môi trường sống của thủy sinh vật

Thời gian: 6 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ; KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu:

Hiểu được các đặc tính của môi trường nước thuận lợi cho đời sống thủy sinh vật;

Biết cách sử dụng dụng cụ, thiết bị thu và bảo quản mẫu nước.

2. Nội dung:

- 2.1. Nguồn nước trong nuôi trồng thủy sản
- 2.2. Đặc tính của môi trường nước thuận lợi cho đời sống của thủy sinh vật
- 2.3. Sự phân chia các vùng sinh thái theo nồng độ muối hoà tan
- 2.4. Chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản
- 2.5. Thực hành

Chương 2: Đặc tính vật lý của môi trường nước

Thời gian: 7 giờ (LT: 3 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

Hiểu được một số tính chất vật lý của nước và các yếu tố quyết định tính chất vật lý của nước;

Thực hiện được thao tác xác định độ trong, nhiệt độ nước ao nuôi.

2. Nội dung:

- 2.1. Ánh sáng
- 2.2. Nhiệt độ
- 2.3. Độ trong và độ đục
- 2.4. Màu sắc và mùi vị
- 2.5. Thực hành

Chương 3: Đặc tính hóa học và các quá trình sinh học trong môi trường nước ao nuôi

Thời gian: 23 giờ (LT: 6 giờ; TH: 16 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

Hiểu được một số tính chất hóa học của nước và các yếu tố quyết định tính chất hóa học của nước;

Hiểu được các quá trình sinh học diễn biến trong môi trường nước và các yếu tố quyết định tính chất sinh học của nước;

Thực hiện được thao tác xác định một số chỉ tiêu hóa học.

2. Nội dung:

- 2.1. Thành phần hóa học của nước thiên nhiên
- 2.2. Đặc tính hóa học của môi trường nước
- 2.3. Đất ao và đặc tính nền đáy ao
- 2.4. Các quá trình sinh học trong thủy vực
- 2.5. Cỏ dại và các biện pháp kiểm soát trong ao nuôi
- 2.6. Dinh dưỡng hóa - ô nhiễm nước

2.7. Thực hành

Chương 4: Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản

Thời gian: 9 giờ (LT: 4 giờ; TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

Hiểu và quản lý tốt chất lượng nước ao nuôi;

Thực hiện được thao tác xác định một số chỉ tiêu hóa học.

2. Nội dung:

2.1. Chọn điểm, chất lượng đất và nguồn nước

2.2. Quản lý chất lượng nước ao nuôi

2.3. Xử lý và tái sử dụng nước

2.4. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, giáo án, dụng cụ, thiết bị, mẫu.
4. Các điều kiện khác:

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận; người học cần đạt yêu cầu kiến thức gồm các nội dung sau:

Hiểu được các yếu tố môi trường nước tác động đến đời sống của thủy sinh vật; những nguyên nhân làm thay đổi các yếu tố môi trường, biện pháp quản lý nước ao nuôi.

- Kỹ năng: Sử dụng thành thạo dụng cụ, thiết bị và xác định chính xác các chỉ tiêu vật lý, hóa học môi trường nước.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng của môn học:

Chương trình môn học Quản lý môi trường nước sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Đối với giáo viên: Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho người học, làm cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý: Chương 3, 4.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Lê Văn Cát, Đỗ Thị Hồng Nhung, Ngô Ngọc Cát, 2006. *Nước nuôi thủy sản - Chất lượng và giải pháp cải thiện chất lượng*. Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật.

- Nguyễn Đình Trung, 2012. *Bài giảng quản lý chất lượng nước trong ao nuôi thủy sản*. Đại học Thủy sản Nha Trang.

- Tổ chức lương thực và nông nghiệp liên hợp quốc – Đại học Cần Thơ, 2010. *Quản lý chất lượng ao nuôi cá nước ngọt*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp.

- Trương Quốc Phú, Vũ Ngọc Út, 2012. *Bài giảng quản lý chất lượng nước trong ao nuôi thủy sản*. Đại học Cần Thơ.

- Bộ Thủy sản, 2000. *Tiêu chuẩn Nhà nước Việt Nam – Tiêu chuẩn ngành*. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: DINH DƯỠNG VÀ THỨC ĂN THỦY SẢN

Mã môn học: MH03059

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3.
- Tính chất của môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Hiểu được những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và phương pháp xây dựng công thức thức ăn cho đối tượng nuôi thủy sản nước ngọt.

- Về kỹ năng: Phân tích được dinh dưỡng của động vật thủy sản ảnh hưởng đến bệnh của đối tượng nuôi thủy sản nước ngọt và xây dựng được công thức thức ăn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Thành phần hóa học của động vật thủy sản và thức ăn 1.1. Thành phần hóa học của động vật thủy sản 1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến thành phần sinh hóa của động vật thủy sản 1.3. Thành phần hóa học của thức ăn 1.4. Phương pháp xác định hàm lượng các chất dinh dưỡng trong thức ăn	6	2	4	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	1.5. Thực hành				
2	Chương 2: Các phương pháp xác định giá trị dinh dưỡng của thức ăn 2.1. Phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm 2.2. Phương pháp xác định độ tiêu hóa 2.3. Phương pháp nuôi dưỡng 2.4. Một số chỉ tiêu đánh giá trong nghiên cứu dinh dưỡng động vật thủy sản 2.5. Thực hành	8	3	4	1
3	Chương 3: Năng lượng của thức ăn 3.1. Giới thiệu 3.2. Các dạng năng lượng sinh học 3.3. Sự biến đổi năng lượng trong cơ thể động vật thủy sản 3.4. Nhu cầu năng lượng của động vật thủy sản 3.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu năng lượng 3.6. Nguồn thức ăn chứa năng lượng	3	3		
4	Chương 4: Protein và Acid amin 4.1. Giới thiệu 4.2. Vai trò của protein 4.3. Sự tiêu hóa và biến dưỡng protein 4.4. Nhu cầu protein của động vật thủy sản	3	3		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	4.5. Nhu cầu acid amin 4.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu protein 4.7. Các chỉ tiêu đánh giá giá trị dinh dưỡng của protein				
5	Chương 5: Lipid và Acid béo 5.1. Giới thiệu 5.2. Chức năng của lipid 5.3. Sự tiêu hóa và hấp thu lipid 5.4. Nhu cầu lipid của động vật thủy sản 5.5. Acid béo	3	3		
6	Chương 6: Carbohydrat 6.1. Giới thiệu 6.2. Chức năng của carbohydrate trong thức ăn thủy sản. 6.3. Sự tiêu hóa và biến dưỡng carbohydrate 6.4. Nhu cầu carbohydrate của động vật thủy sản 6.5. Chất xơ trong thức ăn thủy sản	4	3		1
7	Chương 7: Vitamin trong thức ăn thủy sản 7.1. Giới thiệu 7.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng vitamin trong thức ăn thủy sản 7.3. Tính chất và nhu cầu vitamin cho động	3	3		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	vật thủy sản				
8	Chương 8: Muối khoáng trong thức ăn thủy sản 8.1. Giới thiệu 8.2. Chức năng của muối khoáng. 8.3. Khoáng đa lượng 8.4. Các nguyên tố vi lượng 8.5. Thực hành	7	3	4	
9	Chương 9: Nguyên liệu và chế biến thức ăn 9.1. Nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản 9.2. Nhóm nguyên liệu cung cấp protein 9.3. Nhóm nguyên liệu cung cấp năng lượng 9.4. Các chất phụ gia 9.5. Các chất phản dinh dưỡng và các chất độc trong nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản 9.6. Thực hành	11	3	8	
10	Chương 10: Thiết lập khẩu phần và chế biến thức ăn 10.1. Một số loại khẩu phần 10.2. Thiết lập công thức thức ăn 10.3. Phương pháp chế biến thức ăn 10.4. Độ bền trong nước của thức ăn viên	12	3	8	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	10.5. Bảo quản thức ăn 10.6. Thực hành				
	Cộng	60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Thành phần hóa học của động vật thủy sản và thức ăn

Thời gian: 6 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được thành phần hóa học của động vật thủy sản, thành phần hóa học của thức ăn và phương pháp xác định hàm lượng các chất dinh dưỡng trong thức ăn;
- Nhận diện được các loại thức ăn tinh, thức ăn xanh. Xác định hàm lượng dưỡng chất theo kết quả phân tích từng loại thức ăn thường dùng trong thủy sản nước ngọt.

2. Nội dung chương:

2.1. Thành phần hóa học của động vật thủy sản

2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến thành phần sinh hóa của động vật thủy sản

2.3. Thành phần hóa học của thức ăn

2.4. Phương pháp xác định hàm lượng các chất dinh dưỡng trong thức ăn

2.5. Thực hành

Chương 2: Các phương pháp xác định giá trị dinh dưỡng của thức ăn

Thời gian: 8 giờ (LT: 3 giờ; TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được phương pháp xác định độ tiêu hóa thức ăn;
- Xác định chất lượng nguyên liệu dùng làm thức ăn trước khi phối trộn.

2. Nội dung chương:

2.1. Phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm

2.2. Phương pháp xác định độ tiêu hóa

2.3. Phương pháp nuôi dưỡng

2.4. Một số chỉ tiêu đánh giá trong nghiên cứu dinh dưỡng động vật thủy sản

2.5. Thực hành

Chương 3: Năng lượng của thức ăn

Thời gian: 3 giờ (LT: 3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các nguồn thức ăn có chứa năng lượng, nhu cầu năng lượng của động vật thủy sản và các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu năng lượng.

2. Nội dung chương:

2.1. Giới thiệu

2.2. Các dạng năng lượng sinh học

2.3. Sự biến đổi năng lượng trong cơ thể động vật thủy sản

2.4. Nhu cầu năng lượng của động vật thủy sản

2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu năng lượng

2.6. Nguồn thức ăn chứa năng lượng

Chương 4: Protein và Acid amin

Thời gian: 3 giờ (LT: 3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các nguồn thức ăn có chứa protein, nhu cầu protein, nhu cầu acid amin của động vật thủy sản và các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu protein.

2. Nội dung chương:

2.1. Giới thiệu

2.2. Vai trò của protein

2.3. Sự tiêu hóa và biến dưỡng protein

2.4. Nhu cầu protein của động vật thủy sản

2.5. Nhu cầu acid amin

2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu protein

2.7. Các chỉ tiêu đánh giá giá trị dinh dưỡng của protein

Chương 5: Lipid và Acid béo

Thời gian: 3 giờ (LT: 3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được nhu cầu về lipid của động vật thủy sản, sự tiêu hóa và hấp thu lipid ở động vật thủy sản.

2. Nội dung chương:

2.1. Giới thiệu

2.2. Chức năng của lipid

2.3. Sự tiêu hóa và hấp thu lipid

2.4. Nhu cầu lipid của động vật thủy sản

2.5. Acid béo

Chương 6: Carbohydrat

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được chức năng của carbohydrate trong thức ăn, nhu cầu carbohydrate của động vật thủy sản, sự tiêu hóa và biến dưỡng carbohydrate ở động vật thủy sản;

- Thiết lập công thức thức ăn và tính toán được số lượng của từng loại thức ăn trong công thức.

2. Nội dung chương:

2.1. Giới thiệu

2.2. Chức năng của carbohydrate trong thức ăn thủy sản

2.3. Sự tiêu hóa và biến dưỡng carbohydrate

2.4. Nhu cầu carbohydrate của động vật thủy sản

2.5. Chất xơ trong thức ăn thủy sản

Chương 7: Vitamin trong thức ăn thủy sản

Thời gian: 3 giờ (LT: 3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được tính chất, nhu cầu vitamin của động vật thủy sản và các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng vitamin trong thức ăn thủy sản.

2. Nội dung chương:

2.1. Giới thiệu

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng vitamin trong thức ăn thủy sản

2.3. Tính chất và nhu cầu vitamin cho động vật thủy sản

Chương 8: Muối khoáng trong thức ăn thủy sản

Thời gian: 7 giờ (LT: 3 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được chức năng của muối khoáng trong cơ thể động vật thủy sản, các loại khoáng đa lượng và vi lượng cung cấp cho động vật thủy sản.

2. Nội dung chương:

2.1. Giới thiệu

2.2. Chức năng của muối khoáng

2.3. Khoáng đa lượng

2.4. Các nguyên tố vi lượng

2.5. Thực hành

Chương 9: Nguyên liệu và chế biến thức ăn

Thời gian: 11 giờ (LT: 3 giờ; TH: 8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được nhóm nguyên liệu cung cấp protein và nhóm nguyên liệu cung cấp năng lượng, các chất phản dinh dưỡng và các chất độc trong nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản;

- Thiết lập công thức thức ăn và tính toán được số lượng của từng loại thức ăn cho từng loài động vật thủy sản.

2. Nội dung chương:

2.1. Nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản

2.2. Nhóm nguyên liệu cung cấp protein

2.3. Nhóm nguyên liệu cung cấp năng lượng

2.4. Các chất phụ gia

2.5. Các chất phản dinh dưỡng và các chất độc trong nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản

2.6. Thực hành

Chương 10: Thiết lập khẩu phần và chế biến thức ăn

Thời gian: 12 giờ (LT: 3 giờ; TH: 8 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được cách thiết lập công thức thức ăn, phương pháp chế biến và cách bảo quản thức ăn cho động vật thủy sản;
- Thực hiện thành thạo từng thao tác chế biến thức ăn.

2. Nội dung chương:

2.1. Một số loại khẩu phần

2.2. Thiết lập công thức thức ăn

2.3. Phương pháp chế biến thức ăn

2.4. Độ bền trong nước của thức ăn viên

2.5. Bảo quản thức ăn

2.6. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, phòng thực hành.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.
4. Các điều kiện khác: Không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được từng loại thức ăn trong thủy sản và nhu cầu dinh dưỡng của từng đối tượng nuôi thủy sản nước ngọt.
- Kỹ năng: Nhận diện được từng loại thức ăn, thiết lập và tính toán lượng thức ăn cũng như cách chế biến thức ăn.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo

Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản dùng giảng dạy cho học sinh đào tạo trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho người học, giúp cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 3, 4, 5, 7, 9, 10.

4. Tài liệu tham khảo:

- Đỗ Thanh Hương - Trần Thị Thanh Hiền, 2000. *Bài giảng Sinh lý động vật thủy sinh*. Trường Đại học Cần Thơ.

- Nguyễn Kim Hùng, 1986. *Bài giảng Vitamin*. Đại học Y Dược, TP. Hồ Chí Minh. Nhà xuất bản Y học.

- Nguyễn Thị Ngọc Lan, 2004. *Nghiên cứu sử dụng thức ăn chế biến để ương nuôi cá lóc bông*. Luận văn cao học ngành nuôi trồng thủy sản. Khoa Thủy sản - Trường Đại học Cần Thơ.

- Nguyễn Văn Thoa – Bạch Thị Quỳnh Mai, 1996. *Thức ăn nuôi tôm cá*. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

- Phan Thị Thanh Vân, 2010. *Bài giảng dạy môn Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản*. Trường Đại Học An Giang.

- Trần Thị Thanh Hiền, Phạm Thanh Liêm và Nguyễn Hương Thùy, 2007. *Nghiên cứu đặc điểm dinh dưỡng và khả năng sử dụng thức ăn chế biến để ương cá thát lát còm (Notopterus chilata) từ bột lên giống*. Báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ. Khoa Thủy Sản - Trường Đại học Cần Thơ.

- Trần Thị Thanh Hiền, 2004. *Giáo trình dinh dưỡng và thức ăn thủy sản*. Trường Đại học Cần Thơ.

- Trần Thị Thanh Hiền. *Nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng và phát triển cho loài cá trôn nuôi phổ biến: cá ba sa, cá hủ và cá tra*. Dự án hợp tác với các tỉnh khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long (2001 - 2002).

- Trần Văn Vỹ, 1982. *Thức ăn tự nhiên của cá*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp Hà Nội.

- Trương Sĩ Kỳ, 2000. *Kỹ thuật nuôi một số loài sinh vật làm thức ăn cho ấu trùng thủy sản*. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: CÔNG TRÌNH VÀ THIẾT BỊ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Mã môn học: MH02031

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3
- Tính chất của môn học: Là môn học chuyên môn bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Hiểu được các bước trong khảo sát, quy hoạch trại cá, thiết kế hệ thống cấp nước, ao, bể đẻ, bể ấp... các kiến thức cơ bản để làm cơ sở nghiên cứu thiết kế các thiết bị và công trình khác, đáp ứng theo nhu cầu cụ thể của ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

- Về kỹ năng: Thực hiện quy hoạch và thiết kế một trại thủy sản với quy mô nhỏ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Vật liệu xây dựng 1.1. Khái niệm 1.2. Tính chất cơ bản 1.3. Một số vật liệu thông dụng 1.4. Vữa bê tông 1.5. Đất	5	5		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Kiểm tra
2	Chương 2: Các loại hình công trình trong trại cá 2.1. Công trình ao 2.2. Cống điều tiết nước ao 2.3. Tính toán diện tích ao trong trại cá 2.4. Bài tập	5	5		
3	Chương 3: Hệ thống cấp tiêu nước trong trại cá 3.1. Khái quát về hệ thống kênh mương trong trại cá 3.2. Công trình kênh mương 3.2. Bài tập	6	5		1
4	Chương 4: Công trình phục vụ sản xuất giống 4.1. Khái quát 4.2. Yêu cầu 4.3. Bể cá đẻ 4.4. Thiết bị ấp trứng 4.5. Các thiết bị phụ trợ khác 4.6. Bài tập	5	5		
5	Chương 5: Quy hoạch trại cá 5.1. Lý thuyết 5.2. Bài tập	9	8		1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Kiểm tra
	Cộng	30	28		2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Vật liệu xây dựng

Thời gian: 5 giờ (LT: 5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được tính chất cơ bản của một số loại vật liệu xây dựng thông dụng;
- Ứng dụng vào trong xây dựng dựa trên các tính chất cơ bản của vật liệu.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm

2.2. Tính chất cơ bản

2.3. Một số vật liệu thông dụng

2.4. Vữa bê tông

Chương 2: Các loại hình công trình trong trại cá

Thời gian: 5 giờ (LT: 5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu rõ các yêu cầu trong việc xây dựng ao nuôi cá;
- Nắm vững yêu cầu về kỹ thuật công trình từng loại ao nuôi;
- Nắm vững các yêu cầu cơ bản khi thiết kế một ao nuôi cá.

2. Nội dung chương:

2.1. Công trình ao

2.2. Cống điều tiết nước ao

2.3. Tính toán diện tích ao trong trại cá

2.4. Bài tập

Chương 3: Hệ thống cấp tiêu nước trong trại cá

Thời gian: 6 giờ (LT: 5 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu rõ các khái niệm về kênh mương trong trại cá;
- Nắm vững các yêu cầu khi thiết kế kênh, mương cho một trại cá.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái quát về hệ thống kênh mương trong trại cá

2.2. Công trình kênh mương

2.3. Bài tập

Chương 4: Công trình phục vụ sản xuất giống

Thời gian: 5 giờ (LT: 5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu rõ yêu cầu của các thiết bị sản xuất trong trại thủy sản;
- Hiểu rõ cấu tạo, cách vận hành các thiết bị cho đẻ, ương động vật thủy sản.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái quát

2.2. Yêu cầu

2.3. Bể cá đẻ

2.4. Thiết bị ấp trứng

2.5. Các thiết bị phụ trợ khác

2.6. Bài tập

Chương 5: Quy hoạch trại cá

Thời gian: 9 giờ (LT: 8 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu rõ các yêu cầu của việc chọn vị trí, địa điểm xây dựng trại cá;

- Nắm vững cách thiết kế, tính toán khối lượng đào đắp cho các công trình trong trại cá.

2. Nội dung chương:

2.1. Lý thuyết

2.2. Bài tập

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác: Không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được các bước trong khảo sát, quy hoạch trại cá, thiết kế hệ thống cấp nước, ao, bể đẻ, bể ấp....

- Kỹ năng: Thiết kế và tính toán được khối lượng đào đắp một trại cá nước ngọt cỡ nhỏ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, say mê môn học.

+ Thực hiện tốt các bài tập

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Công trình và thiết bị nuôi trồng thủy sản dùng giảng dạy cho người học đào tạo trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho người học, làm cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 2, 3, 4.

4. Tài liệu tham khảo:

- Cao Văn Thích, 2007. *Bài giảng môn Công trình và Thiết bị thủy sản*, Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang.

- Lê Huy Bá, Lâm Minh Triết, 2000. *Sinh thái môi trường ứng dụng*. NXB khoa học và kỹ thuật.

- Lê Văn Cát, Đỗ Thị Hồng Nhung, Ngô Ngọc Cát, 2006. *Nước nuôi thủy sản - chất lượng và giải pháp cải thiện chất lượng*, NXB khoa học và kỹ thuật.

- Lê Văn Khoa và ctv, 2003. *Khoa học môi trường*. NXB giáo dục.

- Phan Nguyễn Diệp Lan, 2004. *Sổ tay nuôi cá nước ngọt quy mô nhỏ*, NXB Khoa học và kỹ thuật.

- Trường Đại học Nông nghiệp 1. *Thổ nhưỡng học*.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: KỸ NĂNG MỀM

Mã môn học: MH02107

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí môn học: Kỹ năng mềm là môn học bắt buộc và thuộc nhóm kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Những kiến thức, kỹ năng được cung cấp của môn học là cơ sở hỗ trợ để người học học tập tốt các môn học khác và để chuẩn bị tư thế, tác phong khi đi thực tập, đi làm tại cơ sở;

- Tính chất của môn học: Là môn học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp, ứng xử có hiệu quả. Giải thích được tầm quan trọng của các kỹ năng giao tiếp đối với quá trình học tập và làm việc như: Kỹ năng nghe, nói, sử dụng điện thoại, kỹ năng đối với bản thân, đối với cộng đồng...

- Về kỹ năng: Vận dụng được các phương tiện giao tiếp. Qua đó, người học tiếp thu và rèn luyện để từng bước có những kỹ năng hình thành nhân cách văn minh lịch sự, tự tin trong giao tiếp trước khi ra trường làm việc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Một số vấn đề khái quát về hoạt động giao tiếp 1.1. Khái niệm về giao tiếp 1.2. Quá trình giao tiếp	8	8		

	1.3. Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp				
2	Chương 2: Giao tiếp ứng xử 2.1. Ấn tượng ban đầu trong giao tiếp 2.2. Một số nghi thức giao tiếp 2.3. Kỹ năng sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc	10	9		1
3	Chương 3: Kỹ năng giao tiếp ứng xử 3.1. Diện mạo người phục vụ 3.2. Quan hệ giao tiếp với khách hàng 3.3. Quan hệ giao tiếp trong tổ chức 3.4. Ứng xử với những lời phàn nàn, chê bai của khách	12	11		1
	Tổng cộng	30	28		2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Một số vấn đề khái quát về hoạt động giao tiếp

Thời gian: 8 giờ (LT: 8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Giải thích được khái niệm giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp, liệt kê được một số kỹ năng giao tiếp cơ bản;
- Vận dụng việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống;
- Có thái độ coi trọng sự phát triển kỹ năng giao tiếp cho bản thân.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về giao tiếp
- 2.2. Quá trình giao tiếp
- 2.3. Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp

Chương 2: Giao tiếp ứng xử

Thời gian: 10 giờ (LT: 9 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Cách khắc phục một số biểu hiện tâm lý bất lợi trong lần đầu gặp gỡ;
- Cách nhìn nhận về trang phục và diện mạo cần thiết khi làm việc.

2. Nội dung:

- 2.1. Ấn tượng ban đầu trong giao tiếp
- 2.2. Một số nghi thức giao tiếp
- 2.3. Kỹ năng sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc

Chương 3: Kỹ năng giao tiếp ứng xử

Thời gian: 12 giờ (LT: 11 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức về các kỹ năng giao tiếp thông dụng;
- Vận dụng các kỹ năng giao tiếp thông dụng vào tình huống cụ thể.

2. Nội dung:

- 2.1. Diện mạo người phục vụ
- 2.2. Quan hệ giao tiếp với khách hàng
- 2.3. Quan hệ giao tiếp trong tổ chức
- 2.4. Ứng xử với những lời phàn nàn, chê bai của khách

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học

- Phòng lý thuyết, hoặc phòng hội trường có không gian trống để thực hiện các hoạt động nhóm lớn.

- Bàn ghế của học viên được bố trí sao cho học viên có thể làm việc theo các nhóm riêng biệt.

- Phòng học đảm bảo đủ điều kiện ánh sáng và thoáng mát.

2. Trang thiết bị máy móc

- Bảng, phấn, màn hình và máy projector, máy vi tính, tivi, hệ thống âm thanh, bảng lật flipchart.

- Bàn ghế đủ cho giảng viên, học viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Các loại giấy khổ A0, A1, A4, các thẻ giấy màu.

- Bút lông ghi bảng cho giảng viên và cho học viên.

- Bài giảng do giáo viên biên soạn và tài liệu phát tay cho sinh viên.
- Các tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác: Không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận người học cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

- + Hệ thống kiến thức cơ bản về phương tiện và phong cách giao tiếp;
- + Kiến thức về các kỹ năng giao tiếp và cách lập kế hoạch khi giao tiếp;
- + Kiến thức về những nguyên tắc khi giao tiếp trong môi trường tổ chức.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua việc thực hành giải quyết các tình huống kỹ năng giao tiếp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Kỹ năng mềm được sử dụng để giảng dạy ở các ngành nghề thuộc trình độ trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế, nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản kết hợp các tình huống về nguyên tắc ứng xử trong giao tiếp với các bối cảnh khác nhau. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích hợp nhằm gây được hứng thú cho người học, làm cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm chương trình môn học cần chú ý:

- Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp; Ấn tượng ban đầu trong giao tiếp;
Kỹ năng giao tiếp - ứng xử.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Đinh Văn Đáng, 2006. *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.

- Chu văn Đức, 2005. *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*. Nhà xuất bản Hà Nội, 2005;

- Trịnh Quốc Trung, 2010. *Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh*. NXB Phương Đông.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: KỸ THUẬT NUÔI THỦY SẢN NƯỚC NGỌT

Mã môn học: MH04113

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 2
- Tính chất của môn học: Là môn học chuyên môn bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Hiểu một số đặc điểm sinh học các loài thủy sản nước ngọt có giá trị kinh tế, nguyên lý kỹ thuật nuôi các loài thủy sản nước ngọt, một số mô hình nuôi thủy sản nước ngọt phổ biến ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Về kỹ năng:

+ Biết vận hành hiệu quả một số mô hình nuôi thủy sản nước ngọt phổ biến ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long;

+ Xử lý một số tình huống thực tế trong nuôi thủy sản nước ngọt.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan nuôi thủy sản trên thế giới và Việt Nam 1.1. Lịch sử phát triển và hiện trạng nuôi thủy sản trên thế giới 1.2. Lịch sử phát triển và hiện trạng nuôi thủy sản ở Việt Nam	2	2		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
2	Chương 2: Kỹ thuật nuôi cá thâm canh 2.1. Nguyên lý nuôi cá nước ngọt 2.2. Các mô hình nuôi cá thâm canh 2.3. Thực hành	13	4	8	1
3	Chương 3: Kỹ thuật nuôi cá thương phẩm 3.1. Kỹ thuật nuôi cá Tra thương phẩm 3.2. Kỹ thuật nuôi cá Lóc Đen thương phẩm 3.3. Kỹ thuật nuôi cá Lóc Bông thương phẩm 3.4. Kỹ thuật nuôi cá Thát Lát Cườm thương phẩm 3.5. Kỹ thuật nuôi cá Rô Đồng thương phẩm 3.6. Kỹ thuật nuôi cá Bống Tượng thương phẩm 3.7. Thực hành	33	12	20	1
4	Chương 4: Kỹ thuật nuôi cá kết hợp 4.1. Kỹ thuật nuôi cá trên ruộng lúa 4.2. Kỹ thuật nuôi cá kết hợp gia súc - gia cầm 4.3. Thực hành	8	4	4	
5	Chương 5: Kỹ thuật thủy đặc sản 5.1. Kỹ thuật nuôiẾch 5.2. Kỹ thuật nuôi Lươn 5.3. Kỹ thuật nuôi Ba ba 5.4. Thực hành	17	4	12	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
6	Chương 6: Ứng dụng quy phạm thực hành nuôi tốt trong nuôi thủy sản 5.1. Tổng quan về quy phạm thực hành nuôi tốt 5.2. Các quy phạm thực hành nuôi tốt thực hiện ở Việt Nam 5.3. Thực hành	17	4	12	1
	Cộng	90	30	56	4

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Tổng quan nuôi thủy sản thế giới và Việt Nam

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày và giải thích được lịch sử phát triển và hiện trạng nuôi thủy sản thế giới và Việt Nam.

2. Nội dung chương:

2.1. Lịch sử phát triển và hiện trạng nuôi thủy sản thế giới

2.1. Lịch sử phát triển và hiện trạng nuôi thủy sản Việt Nam

Chương 2: Kỹ thuật nuôi cá thâm canh

Thời gian: 13 giờ (LT: 4 giờ; TH: 8 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Phân tích, đánh giá được nguyên lý nuôi cá nước ngọt và các mô hình nuôi thủy sản phổ biến hiện nay ở Đồng bằng sông Cửu Long;

- Hiểu được cách đánh giá về hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả kinh tế của một mô hình nuôi cá thâm canh.

2. Nội dung chương:

2.1. Nguyên lý nuôi cá nước ngọt

2.2. Các mô hình nuôi cá thâm canh

2.3. Thực hành

Chương 3: Kỹ thuật nuôi cá thương phẩm

Thời gian: 33 giờ (LT: 12 giờ; TH: 20 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Vận dụng được kỹ thuật nuôi thâm canh một số loài cá nước ngọt có giá trị kinh tế phổ biến ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay;

- Phân tích và đánh giá được hệ thống nuôi khi vận hành, những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện các mô hình nuôi, đề xuất các giải pháp chuyên môn phù hợp với thực tế sản xuất.

2. Nội dung chương:

2.1. Kỹ thuật nuôi cá Tra thương phẩm

2.2. Kỹ thuật nuôi cá Lóc Đen thương phẩm

2.3. Kỹ thuật nuôi cá Lóc Bông thương phẩm

2.4. Kỹ thuật nuôi cá Thát Lát Cườm thương phẩm

2.5. Kỹ thuật nuôi cá Rô Đồng thương phẩm

2.6. Kỹ thuật nuôi cá Bống Tượng thương phẩm Kỹ thuật nuôi cá Tra thương phẩm

2.7. Thực hành

Chương 4: Kỹ thuật nuôi cá kết hợp

Thời gian: 8 giờ (LT: 4 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Xây dựng và vận hành được các hệ thống nuôi kết hợp phổ biến hiện nay.

2. Nội dung chương:

2.1. Kỹ thuật nuôi cá trên ruộng lúa

2.2. Kỹ thuật nuôi cá kết hợp với gia súc - gia cầm

2.3. Thực hành

Chương 5: Kỹ thuật nuôi thủy đặc sản

Thời gian: 17 giờ (LT: 4 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Vận dụng được kỹ thuật nuôi một số loài thủy đặc sản nước ngọt có giá trị kinh tế phổ biến ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay;

- Phân tích và đánh giá được hệ thống nuôi khi vận hành, những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện các mô hình nuôi, đề xuất các giải pháp chuyên môn phù hợp với thực tế sản xuất.

2. Nội dung chương:

2.1. Kỹ thuật nuôiẾch

2.2. Kỹ thuật nuôi cá Lươn

2.3. Kỹ thuật nuôi cá Ba ba

2.4. Thực hành

Chương 6: Ứng dụng quy phạm thực hành nuôi tốt trong nuôi trồng thủy sản

Thời gian: 17 giờ (LT: 4 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được lợi ích khi ứng dụng quy phạm thực hành nuôi tốt khi tiến hành nuôi cá xuất khẩu;

- Hiểu và có thể vận dụng được một số quy phạm thực hành nuôi tốt đang thực hiện tại Việt Nam.

2. Nội dung chương:

2.1. Tổng quan về quy phạm thực hành nuôi tốt

2.2. Các quy phạm thực hành nuôi tốt thực hiện ở Việt Nam

2.3. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu Projector, màn chiếu, máy tính.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy Kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt, tài liệu tham khảo liên quan môn học.
4. Các điều kiện khác: Không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:
 - Kiến thức:
 - + Trình bày được biện pháp kỹ thuật nuôi thâm canh một số loài thủy sản nước ngọt có giá trị kinh tế hiện nay ở Đồng bằng sông Cửu Long;
 - + Phân tích và đánh giá được hệ thống nuôi khi vận hành.
 - Kỹ năng:
 - + Thiết kế và vận hành được các hệ thống nuôi thủy sản nước ngọt phổ biến;
 - + Kỹ năng thảo luận, báo cáo và hợp tác nhóm.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập về các mặt:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, say mê môn học.
2. Phương pháp:
 - Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, sinh động nhằm gây được hứng thú cho người học; làm cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 2, 3, 4, 5, 6.

4. Tài liệu tham khảo:

- Phạm Văn Khánh, 2000. *Kỹ thuật nuôi cá Tra và Ba Sa trong bè*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp.

- Dương Nhựt Long, Nguyễn Anh Tuấn và Lam Mỹ Lan, 2014. *Giáo trình nuôi cá nước ngọt*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

- Nguyễn Thanh Phương, Trần Ngọc Hải, Dương Nhựt Long và Võ Nam Sơn, 2012. *Giáo trình Nuôi trồng thủy sản*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

- Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Văn Hảo, Bùi Minh Tâm, Phan Thanh Lâm, Võ Minh Sơn, Nguyễn Nhứt,... Sena S. De Silva. 2011. *Quy tắc thực hành quản lý tốt hơn cho nuôi cá Tra ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Việt Nam.

- Võ Thanh Tân, 2015. *Tài liệu giảng dạy Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt*. Khoa Nông nghiệp - Tài nguyên Thiên nhiên, Trường Đại Học An Giang.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG THỦY SẢN NƯỚC NGỌT

Mã môn học: MH04117

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3;
- Tính chất của môn học: Là môn học chuyên môn bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Hiểu được cơ sở sinh học của quá trình thành thực và sinh sản của động vật thủy sản, các kỹ thuật cơ bản trong sản xuất động vật thủy sản nước ngọt nước ngọt.

- Về kỹ năng: Thực hiện sản xuất giống một số loài thủy sản nước ngọt phổ biến.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Giới thiệu về sản xuất giống cá 1.1. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học 1.2. Lịch sử sản xuất giống cá 1.3. Vài nét về quá trình nghiên cứu kỹ thuật sinh sản nhân tạo cá nước ta	2	2		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
2	Chương 2: Nuôi vỗ cá bố mẹ 2.1. Cơ sở khoa học của biện pháp nuôi vỗ 2.2. Những vấn đề kỹ thuật trong nuôi vỗ 2.3. Thực hành	18	5	12	1
3	Chương 3: Kích thích cá sinh sản 3.1. Đánh giá sự thành thực của cá 3.2. Biện pháp kỹ thuật kích thích sinh sản 3.3. Thực hành	19	6	12	1
4	Chương 4: Quản lý phôi (Áp trứng) 4.1. Dụng cụ áp trứng và thiết bị hỗ trợ. 4.2. Biện pháp quản lý phôi 4.3. Thực hành	12	4	8	
5	Chương 5: Ương nuôi cá con 5.1. Một số đặc điểm của cá con 5.2. Những biện pháp kỹ thuật ương cá 5.3. Thực hành	19	6	12	1
6	Chương 6: Kỹ thuật sản xuất giống thủy đặc sản 6.1. Kỹ thuật sản xuất giống Éch 6.2. Kỹ thuật sản xuất giống Lươn 6.3. Kỹ thuật sản xuất giống Ba ba 6.4. Thực hành	20	7	12	1
	Cộng	90	30	56	4

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Giới thiệu về sản xuất giống cá

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các kiến thức cơ bản về sản xuất giống cá;
- Hiểu được quy tắc khi thực hành tại trại thủy sản.

2. Nội dung chương:

2.1. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học

2.2. Lịch sử sản xuất giống cá

2.3. Vài nét về quá trình nghiên cứu kỹ thuật sinh sản nhân tạo cá nước ta

Chương 2: Nuôi vỗ cá bố mẹ

Thời gian: 18 giờ (LT: 5 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được cách nuôi vỗ cá bố mẹ.
- Thực hiện nuôi vỗ thành thực tốt trên từng đối tượng.

2. Nội dung chương:

2.1. Cơ sở khoa học của biện pháp nuôi vỗ

2.2. Những vấn đề kỹ thuật trong nuôi vỗ

2.3. Thực hành

Chương 3: Kích thích cá sinh sản

Thời gian: 19 giờ (LT: 6 giờ, TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được cách kích thích cá sinh sản;
- Thực hiện được sản xuất giống cá nước ngọt.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đánh giá sự thành thực của cá
- 2.2. Biện pháp kỹ thuật kích thích sinh sản.
- 2.3. Thực hành

Chương 4: Quản lý phôi (Ấp trứng)

Thời gian: 12 giờ (LT: 4 giờ; TH: 8 giờ)

- 1. Mục tiêu:
 - Hiểu được cách quản lý phôi (Ấp trứng);
 - Thực hiện được pháp phương ấp trứng cho từng nhóm đối tượng.
- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Dụng cụ ấp trứng và thiết bị hỗ trợ.
 - 2.2. Biện pháp quản lý phôi
 - 2.3. Thực hành

Chương 5: Ương nuôi cá con

Thời gian: 19 giờ (LT: 6 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

- 1. Mục tiêu:
 - Hiểu được cách ương nuôi cá con;
 - Thực hiện được ương cá con.
- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Một số đặc điểm của cá con
 - 2.2. Những biện pháp kỹ thuật ương cá
 - 2.3. Thực hành

Chương 6: Kỹ thuật sản xuất giống thủy đặc sản

Thời gian: 20 giờ (LT: 7 giờ, TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

- 1. Mục tiêu:

- Hiểu được kỹ thuật sản xuất giống một số đối tượng thủy đặc sản nước ngọt;
- Thực hiện được sản xuất giống một số đối tượng thủy đặc sản nước ngọt.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Kỹ thuật sản xuất giống Éch
- 2.2. Kỹ thuật sản xuất giống Lươn
- 2.3. Kỹ thuật sản xuất giống Ba ba
- 2.4. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết
- 2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu Projector, màn chiếu, máy tính.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy Kỹ thuật sản xuất giống thủy sản nước ngọt, tài liệu tham khảo liên quan môn học.
- 4. Các điều kiện khác: Không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Hiểu cơ sở sinh học của quá trình thành thực và sinh sản của cá, các kỹ thuật cơ bản trong sản xuất giống nhân tạo các loài cá và thủy đặc sản nước ngọt.
- Về kỹ năng: Thực hiện sản xuất giống một số loài cá và thủy đặc sản nước ngọt.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Tuân thủ giờ giấc quy định, nghiêm túc trong quá trình học nhằm nắm bắt nội dung các lý thuyết cơ bản và phương pháp luận.
 - + Thực hiện bài tập nhóm nghiêm túc.
 - + Thực hiện các bài tập trong giáo trình và giảng viên yêu cầu.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo

Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy Giảng viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, sinh động nhằm gây được hứng thú cho người học; làm cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 2, 3, 4, 5, 6.

4. Tài liệu tham khảo:

- Phạm Quốc Hùng và Nguyễn Tường Anh. *Sinh sản nhân tạo cá ứng dụng hormon steroid*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Tp Hồ Chí Minh

- Phạm Quốc Hùng, Nguyễn Tường Anh và Nguyễn Đình Mão, 2014. *Hormone và sự điều khiển sinh sản ở cá*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Tp Hồ Chí Minh

- Nguyễn Văn Kiểm, 2005. *Giáo trình Kỹ thuật sản xuất cá giống*. Trường Đại học Cần Thơ.

- Phạm Minh Thành và Nguyễn Văn Kiểm, 2009. *Cơ sở khoa học và kỹ thuật sản xuất cá giống cá*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Tp Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: KỸ THUẬT NUÔI VÀ SẢN XUẤT GIỐNG GIÁP XÁC NƯỚC NGỌT

Mã môn học: MH03114

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3
- Tính chất của môn học: Là môn học chuyên ngành bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Nắm những kiến thức chuyên môn về sinh học, kỹ thuật nuôi và sản xuất giống một số loài giáp xác nước ngọt.

- Về kỹ năng: Vận dụng được quy trình nuôi và sản xuất giống thương phẩm một số đối tượng giáp xác nước ngọt có giá trị kinh tế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Hiện trạng và xu hướng phát triển nghề sản xuất giống và nuôi giáp xác nước ngọt 1.1. Hiện trạng nghề sản xuất giống và nuôi giáp xác nước ngọt 1.2. Xu hướng phát triển nghề sản xuất giống và nuôi giáp xác nước ngọt	2	2		
2	Chương 2: Đặc điểm sinh học tôm Càng xanh 2.1. Phân loại và hình thái	7	2	4	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.2. Phân bố 2.3. Vòng đời của tôm Càng xanh 2.4. Đặc điểm sinh trưởng 2.5. Đặc điểm sinh sản 2.6. Yêu cầu về môi trường sống 2.7. Nhu cầu dinh dưỡng của tôm 2.8. Thực hành				
3	Chương 3: Kỹ thuật nuôi tôm Càng xanh 3.1. Các mô hình nuôi 3.2. Kỹ thuật nuôi trên ruộng lúa 3.3. Kỹ thuật nuôi trong ao 3.4. Kỹ thuật nuôi đăng quảng trên sông 3.5. Thực hành	21	4	16	1
4	Chương 4: Kỹ thuật sản xuất giống tôm Càng xanh 4.1. Xây dựng trại và chuẩn bị trại giống 4.2. Nuôi tôm bố mẹ 4.3. Ương nuôi ấu trùng 4.4. Ương tôm giống 4.5. Thực hành	30	5	24	1
5	Chương 5: Kỹ thuật nuôi Cua đồng 5.1. Chuẩn bị ao nuôi	15	2	12	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	5.2. Chọn thả giống 5.3. Chăm sóc và quản lý 5.4. Thu hoạch 5.5. Thực hành				
	Cộng	75	15	56	4

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Hiện trạng và xu hướng phát triển nghề sản xuất giống và nuôi giáp xác nước ngọt

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được thực trạng và định hướng nghề sản xuất giống và nuôi giáp xác nước ngọt.

2. Nội dung chương:

2.1. Hiện trạng nghề sản xuất giống và nuôi giáp xác nước ngọt

2.2. Xu hướng phát triển nghề sản xuất giống và nuôi giáp xác nước ngọt

Chương 2: Đặc điểm sinh học tôm Càng xanh

Thời gian: 7 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nắm được đặc điểm về sinh học và phân loại tôm Càng xanh;

- Nhận diện được tôm Càng xanh.

2. Nội dung chương:

2.1. Phân loại và hình thái

2.2. Phân bố

2.3. Vòng đời của tôm Càng xanh

2.4. Đặc điểm sinh trưởng

2.5. Đặc điểm sinh sản

2.6. Yêu cầu về môi trường sống

2.7. Nhu cầu dinh dưỡng của tôm

2.8. Thực hành

Chương 3: Kỹ thuật nuôi tôm Càng xanh

Thời gian: 21 giờ (LT: 4 giờ; TH: 16 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được kỹ thuật nuôi tôm Càng xanh;
- Thực hiện được môn các mô hình nuôi tôm Càng xanh.

2. Nội dung chương:

2.1. Các mô hình nuôi

2.2. Kỹ thuật nuôi trên ruộng lúa

2.3. Kỹ thuật nuôi trong ao

2.4. Kỹ thuật nuôi đăng quảng trên sông

2.5. Thực hành

Chương 4: Kỹ thuật sản xuất giống tôm Càng xanh

Thời gian: 30 giờ (LT: 5 giờ; TH: 24 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nắm và thực hiện được quy trình sản xuất giống tôm Càng xanh.

2. Nội dung chương:

2.1. Xây dựng trại và chuẩn bị trại giống

2.2. Nuôi tôm bố mẹ

2.3. Ương nuôi ấu trùng

2.4. Ương tôm giống

2.5. Thực hành

Chương 5: Kỹ thuật nuôi Cua đồng

Thời gian: 15 giờ (LT: 2 giờ; TH: 12 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nắm được kỹ thuật nuôi Cua đồng;
- Thực hiện tốt cách nuôi Cua đồng để mang lại hiệu quả cao.

2. Nội dung chương:

2.1. Chuẩn bị ao nuôi

2.2. Chọn thả giống

2.3. Chăm sóc và quản lý

2.4. Thu hoạch

2.5. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, thực hành
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.
4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Nắm vững các quy trình sản xuất giống và nuôi giáp xác nước ngọt cơ bản.
- Kỹ năng: vận dụng được quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số đối tượng giáp xác nước ngọt cơ bản.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Kỹ thuật nuôi và sản xuất giống giáp xác nước ngọt dùng giảng dạy cho học sinh trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho người học, giúp cho người chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 2, 3, 4, 5

4. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Trọng Nho, Tạ Khắc Thường và Lục Minh Diệp, 2006. *Kỹ thuật nuôi giáp xác*. NXB Nông Nghiệp;

- Nguyễn Thanh Phương và Trần Ngọc Hải, 2009. *Giáo trình kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác*. Đại học Cần Thơ;

- Ang K.J. (1995). The Evaluation of an Environmentally Friendly hatchery Technology for UdangGalah, the King of Freshwater Prawns and a Glymse into the Future of Aquaculture in 21st Century. Universiti Pertanian Malaysia. 22pp

- Angell C.A. (Ed.). (1992). The Mud Crab. BOBP. 246pp

- Arlo W. Fast and L. Jame Lester. (1992). Marine Shrimp Culture: Principles and Practice. ELSEVIER. 862 pp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Mã môn học: MH02123

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3.
- Tính chất của môn học: Là môn học chuyên ngành bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Nắm vững kiến thức cơ bản về khí hậu, khí tượng thủy văn.
- Về kỹ năng: Thực hiện được phương pháp xác định các thông số thường dùng trong khí tượng thủy văn.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Khái niệm cơ bản về khí hậu, khí tượng thủy văn 1.1. Mục tiêu, đối tượng nghiên cứu của khí hậu, khí tượng thủy văn 1.2. Mối liên quan giữa khí quyển với mặt trời và mặt đất 1.3. Các phương pháp quan trắc và thực nghiệm khí hậu, khí tượng thủy văn	2	2		
2	Chương 2: Không khí và khí quyển 2.1. Thành phần không khí của khí quyển ở mặt đất và trên cao 2.2. Các đặc trưng cơ bản của trạng thái khí	2	2		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	quyển 2.3. Định luật biến đổi đoạn nhiệt của nhiệt độ không khí 2.4. Các tầng và các khối khí của khí quyển				
3	Chương 3: Bức xạ và chế độ nhiệt của khí quyển 3.1. Phân bố bức xạ mặt trời 3.2. Các thành phần cân bằng nhiệt và cân bằng bức xạ của trái đất 3.3. Cân bằng nhiệt của mặt đất 3.4. Sự biến đổi nhiệt độ không khí theo thời gian và không gian 3.5. Thực hành	6	2	4	
4	Chương 4: Hoàn lưu khí quyển 4.1. Khái niệm 4.2. Trung tâm hoạt động và front khí quyển 4.3. Áp thấp nhiệt đới và bão 4.4. Các loại gió (Tín phong, gió mùa và gió địa phương) 4.5. Thực hành	7	2	4	1
5	Chương 5: Nước trong khí quyển 5.1. Tổng quan 5.2. Sự bốc hơi nước 5.3. Độ ẩm không khí 5.4. Mây và giáng thủy 5.5. Thực hành	10	2	8	
6	Chương 6: Sông ngòi và sự hình thành dòng chảy	11	3	8	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	6.1. Hệ thống sông, phân đoạn sông 6.2. Các đặc điểm của sông ngòi 6.3. Bản chất vật lý của dòng chảy 6.4. Lưu vực sông và các đặc trưng của lưu vực 6.5. Thực hành				
7	Chương 7: Hồ và chu trình thủy văn của hồ 7.1. Khái niệm 7.2. Sự tương tác của hồ với khí quyển 7.3. Sự tương tác của hồ với nước mặt 7.4. Sự thay đổi thể tích của hồ 7.5. Thực hành	7	2	4	1
	Cộng	45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Khái niệm cơ bản về khí hậu, khí tượng thủy văn

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các khái niệm về khí hậu, khí tượng thủy văn và mối liên quan giữa khí quyển với mặt trời và mặt đất;
- Biết được các phương pháp quan trắc khí hậu, khí tượng thủy văn.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Mục tiêu, đối tượng nghiên cứu của khí hậu, khí tượng thủy văn
- 2.2. Mối liên quan giữa khí quyển với mặt trời và mặt đất
- 2.3. Các phương pháp quan trắc và thực nghiệm khí hậu, khí tượng thủy văn

Chương 2: Không khí và khí quyển

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu và trình bày được các thành phần và các đặc trưng của khí quyển.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Thành phần không khí của khí quyển ở mặt đất và trên cao
- 2.2. Các đặc trưng cơ bản của trạng thái khí quyển
- 2.3. Định luật biến đổi đoạn nhiệt của nhiệt độ không khí
- 2.4. Các tầng và các khối khí của khí quyển

Chương 3: Bức xạ và chế độ nhiệt của khí quyển

Thời gian: 6 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được sự phân bố bức xạ mặt trời theo thời gian và theo vĩ độ địa lý;
- Hiểu được nguyên lý diễn biến nhiệt độ trong khí quyển;
- Thực hiện được phương pháp xác định nhiệt độ trong không khí.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Phân bố bức xạ mặt trời
- 2.2. Các thành phần cân bằng nhiệt và cân bằng bức xạ của trái đất
- 2.3. Cân bằng nhiệt của mặt đất
- 2.4. Sự biến đổi nhiệt độ không khí theo thời gian và không gian
- 2.5. Thực hành

Chương 4: Hoàn lưu khí quyển

Thời gian: 7 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được đối khí áp, các front trong khí hậu học;
- Thực hiện được phương pháp xác định hướng gió và tốc độ gió.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Trung tâm hoạt động và front khí quyển
- 2.3. Áp thấp nhiệt đới và bão
- 2.4. Các loại gió (Tín phong, gió mùa và gió địa phương)
- 2.5. Thực hành

Chương 5: Nước trong khí quyển

Thời gian: 10 giờ (LT: 2 giờ; TH: 8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các dạng nước trong khí quyển, các yếu tố ảnh hưởng đến sự chuyển hóa của nước trong khí quyển;
- Thực hiện được phương pháp xác định tốc độ bốc hơi nước ở ao hồ;
- Thực hiện được phương pháp xác định độ ẩm không khí, lượng mưa.

2. Nội dung chương:

2.1. Tổng quan

2.2. Sự bốc hơi nước

2.3. Độ ẩm không khí

2.4. Mây và giáng thủy

2.5. Thực hành

Chương 6: Sông ngòi và sự hình thành dòng chảy

Thời gian: 11 giờ (LT: 3 giờ; TH: 8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các đặc điểm cơ bản của sông ngòi và các quá trình thủy văn của chúng;
- Thực hiện được phương pháp xác định lưu tốc và lưu lượng của sông ngòi.

2. Nội dung chương:

2.1. Hệ thống sông, phân đoạn sông

2.2. Các đặc điểm của sông ngòi

2.3. Bản chất vật lý của dòng chảy

2.4. Lưu vực sông và các đặc trưng của lưu vực

2.5. Thực hành

Chương 7: Hồ và chu trình thủy văn của hồ

Thời gian: 7 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các đặc điểm cơ bản của hồ và các quá trình thủy văn ở hồ;
- Thực hiện được phương pháp xác định thể tích của hồ.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm

2.2. Sự tương tác của hồ với khí quyển

2.3. Sự tương tác của hồ với nước mặt

2.4. Sự thay đổi thể tích của hồ

2.5. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, thực hành

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, dụng cụ đo đạc.

4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận, người học cần đạt các yêu cầu: Hiểu được kiến thức tổng thể về khí hậu, khí tượng thủy văn.

- Kỹ năng: Thực hiện được phương pháp xác định các thông số thường dùng trong khí tượng thủy văn.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Khí tượng thủy văn dùng giảng dạy cho người học trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho người học, giúp cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 3, 4, 5, 6, 7.

4. Tài liệu tham khảo:

- Vũ Thanh Hằng - Chu Thị Thanh Hường, 2013. *Giáo trình Khí tượng đại cương*. Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội.

- Trần công Minh, 2007. *Giáo trình Khí hậu và khí tượng đại cương*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

- Nguyễn Thanh Sơn - Đặng Quý Phụng, 2003. *Giáo trình Đo đạc và chỉnh lý số liệu thủy văn*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Lê Anh Tuấn, 2010. *Giáo trình Khí tượng thủy văn*. Đại học Cần Thơ.

- Nguyễn Văn Tuấn - Nguyễn Hữu Khải, 2001. *Giáo trình Địa lý thủy văn*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: KỸ THUẬT VẬN CHUYỂN ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

Mã môn học: MH02120

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3.
- Tính chất của môn học: Là môn học chuyên ngành bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Hiểu những kiến thức chuyên môn về một số phương pháp vận chuyển cá để có thể ứng dụng vào sản xuất sau khi ra trường.
- Về kỹ năng: Vận dụng được các phương pháp khi vận chuyển vào thực tế.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Bài mở đầu 1.1. Khái niệm vận chuyển 1.2. Vai trò của việc vận chuyển trong nuôi trồng thủy sản. 1.3. Các phương pháp vận chuyển. 1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình vận chuyển. 1.5. Biện pháp khắc phục đến quá trình vận chuyển.	4	4		
2	Chương 2: Phương pháp vận chuyển bằng Oxy	15	3	12	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.1. Phương pháp vận chuyển túi PE 2.2. Phương pháp vận chuyển bằng can nhựa. 2.3. Thực hành				
3	Chương 3: Phương pháp vận chuyển bằng sục khí 3.1. Đặc điểm phương pháp 3.2. Vận chuyển đường gần 3.3. Vận chuyển đường xa 3.4. Thực hành	11	2	8	1
4	Chương 4: Phương pháp vận chuyển bằng ghe đục 4.1. Đặc điểm phương pháp 4.2. Phương pháp thực hiện 4.3. Thực hành	6	2	4	
5	Chương 5: Phương pháp vận chuyển gây mê. 5.1. Đặc điểm phương pháp 5.2. Phương pháp thực hiện	2	2		
6	Chương 6: Kỹ thuật sau khi vận chuyển 6.1 Kỹ thuật thả giống sau khi vận chuyển 6.2 Kỹ thuật lưu giữ động vật thủy sản thương phẩm sau khi vận chuyển	7	2	4	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	6.3 Kỹ thuật giữ tươi động vật thủy sản trước khi tiêu thụ 6.4. Thực hành				
	Cộng	45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Bài mở đầu

Thời gian: 4 giờ (LT: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được vai trò quan trọng trong quá trình vận chuyển động vật thủy sản.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm vận chuyển

2.2. Vai trò của việc vận chuyển trong nuôi trồng thủy sản.

2.3. Các phương pháp vận chuyển.

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình vận chuyển.

2.5. Biện pháp khắc phục đến quá trình vận chuyển cá.

Chương 2: Phương pháp vận chuyển bằng Oxy

Thời gian: 15 giờ (LT: 3 giờ; TH: 12 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nắm vững phương pháp và thực hiện được thao tác đóng oxy trong vận chuyển.

2. Nội dung chương:

2.1. Phương pháp vận chuyển túi PE

2.2. Phương pháp vận chuyển bằng can nhựa.

2.3. Thực hành

Chương 3: Phương pháp vận chuyển bằng sức khí

Thời gian: 21 giờ (LT: 4 giờ; TH: 16 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm phương pháp vận chuyển bằng sức khí.

2. Nội dung chương:

2.1. Đặc điểm phương pháp

2.2. Vận chuyển đường gần

2.3. Vận chuyển đường xa

2.4. Thực hành

Chương 4: Phương pháp vận chuyển bằng ghe đục

Thời gian: 6 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm phương pháp vận chuyển bằng ghe đục.

2. Nội dung chương:

2.1. Đặc điểm phương pháp

2.2. Phương pháp thực hiện

2.3. Thực hành

Chương 5: Phương pháp vận chuyển gây mê.

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm phương pháp vận chuyển gây mê.

2. Nội dung chương:

2.1. Đặc điểm phương pháp

2.2. Phương pháp thực hiện

Chương 6: Kỹ thuật sau khi vận chuyển.

Thời gian: 7 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Vận dụng đúng phương pháp kỹ thuật sau khi vận chuyển vào thực tế.

2. Nội dung chương:

2.1. Kỹ thuật thả giống sau khi vận chuyển

2.2. Kỹ thuật lưu giữ động vật thủy sản thương phẩm sau khi vận chuyển

2.3. Kỹ thuật giữ tươi động vật thủy sản trước khi tiêu thụ.

2.4. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, thực hành
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.
4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Nắm vững các phương pháp vận chuyển cá cơ bản.
- Kỹ năng: Vận dụng được phương pháp đúng thời điểm, đúng đối tượng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo

Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Kỹ thuật vận chuyển động vật thủy sản dùng giảng dạy cho người học trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho người học, giúp cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 1, 2, 3, 4, 6.

4. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thanh Bình, Đỗ Đăng Khoa, 2007. *Giáo trình Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản*. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

- Đỗ Văn Sơn, 2010. *Bài giảng Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt*. Trường Cao đẳng thủy sản.

- Nguyễn Thị Thuyết, 2007. *Giáo trình Công trình nuôi thủy sản*. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: BỆNH HỌC THỦY SẢN

Mã môn học: MH04012

Thời gian môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3.
- Tính chất của môn học: Là môn học chuyên ngành bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Nắm những kiến thức cơ bản về bệnh học, các yếu tố liên quan đến bệnh, phương pháp chẩn đoán bệnh, phương pháp phòng trị bệnh tổng hợp.
- Về kỹ năng: Đánh giá được các yếu tố liên quan đến bệnh, phương pháp chẩn đoán và phòng trị bệnh tổng hợp.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Khái niệm cơ bản về bệnh lý 1.1. Khái niệm về bệnh lý 1.2. Nguyên nhân và điều kiện phát sinh bệnh lý. 1.3. Các loại bệnh. 1.4. Các triệu chứng bệnh lý. 1.5. Các thời kỳ phát triển của bệnh. 1.6. Thực hành	7	3	4	
2	Chương 2: Khái niệm cơ bản về bệnh	2	2		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	truyền nhiễm và bệnh ký sinh 2.1. Khái niệm cơ bản về bệnh truyền nhiễm. 2.2. Bệnh ký sinh trùng.				
3	Chương 3: Phương pháp phòng trị bệnh cá tôm 3.1. Tầm quan trọng của công tác phòng trị bệnh cá tôm. 3.2. Nguyên tắc và biện pháp tổng hợp để phòng trị bệnh cá tôm. 3.3 Các nguyên tắc chính để phòng bệnh trên cá, tôm. 3.4. Một số phương pháp trị bệnh cá, tôm. 3.5. Thực hành	11	3	8	
4	Chương 4: Bệnh do vi khuẩn và nấm hại cá 4.1. Bệnh do vi khuẩn. 4.2. Bệnh do nấm ký sinh. 4.3. Bệnh lở loét, còn gọi là hội chứng dịch bệnh lở loét trên cá (EUS: Epizootic Ulcerative Syndrome) 4.4. Thực hành	12	4	8	
5	Chương 5: Bệnh do nguyên sinh động vật (ngành protozoa) 5.1. Lớp trùng roi (Flagellata) 5.2. Lớp bào tử trùng (Sporozoa)	6	2	4	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	5.3. Lớp thích bào tử trùng (Cnidosporidia) 5.4. Lớp tiêm mao trùng (Ciliata) 5.5. Thực hành				
6	Chương 6: Bệnh do ngành giun sán ký sinh trên cá 6.1. Lớp sán lá đơn chủ (<i>Monogenea</i>) 6.2. Lớp sán lá song chủ (<i>Digenea</i>) 6.3. Giun tròn (<i>Nematoda</i>) 6.4. Giun đầu móc (<i>Acanthocephala</i>) 6.5. Thực hành	6	2	4	
7	Chương 7: Bệnh do ngành giáp xác và các phi sinh vật khác 7.1. Bệnh do ngành giáp xác 7.2. Bệnh do các vi sinh vật khác. 7.3. Thực hành	7	2	4	1
8	Chương 8: Những khái niệm và phương pháp cơ bản nghiên cứu bệnh tôm 8.1. Nguyên nhân và điều kiện phát sinh bệnh ở tôm nuôi 8.2. Phương pháp thu và bảo quản mẫu chẩn đoán bệnh tôm 8.3. Phương pháp phát hiện bệnh ở tôm nuôi	7	2	4	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	8.4. Phương pháp chẩn đoán bệnh 8.5. Thực hành				
9	Chương 9: Bệnh do virus hại tôm 9.1. Bệnh MBV (Monodon Baculovirus) 9.2. Bệnh đầu vàng 9.3. Bệnh đốm trắng 9.4. Thực hành	6	2	4	
10	Chương 10: Bệnh do vi khuẩn hại tôm 10.1. Bệnh phát sáng 10.2. Bệnh Vibrio 10.3. Bệnh đốm nâu, đốm đen 10.4. Bệnh vi khuẩn dạng sợi 10.5. Thực hành	8	3	4	1
11	Chương 11: Bệnh nấm, nguyên sinh động vật hại tôm 11.1. Bệnh nấm Mycosis 11.2. Bệnh do vi sinh vật bám 11.3. Thực hành	6	2	4	
12	Chương 12: Bệnh do các nguyên nhân khác hại tôm 12.1. Bệnh mang (mang đen, mang đỏ, phòng nắp mang) 12.2. Bệnh hoại cơ	12	3	8	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	12.3. Bệnh cong thân 12.4. Bệnh lột xác không thành công 12.5. Thực hành				
	Cộng	90	30	56	4

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Khái niệm cơ bản về bệnh lý

Thời gian: 7 giờ (LT: 3 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được khái niệm về bệnh lý, các nguyên nhân và điều kiện phát sinh bệnh;
- Nhận biết được các triệu chứng bệnh lý cũng như các thời kỳ phát triển của bệnh trên cơ thể động vật thủy sản.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm về bệnh lý

2.2. Nguyên nhân và điều kiện phát sinh bệnh lý.

2.3. Các loại bệnh.

2.4. Các triệu chứng bệnh lý.

2.5. Các thời kỳ phát triển của bệnh.

2.6. Thực hành

Chương 2: Khái niệm cơ bản về bệnh truyền nhiễm và bệnh ký sinh

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được thế nào là bệnh truyền nhiễm, thế nào là bệnh ký sinh trùng gây hại động vật thủy sản.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm cơ bản về bệnh truyền nhiễm.

2.2. Bệnh ký sinh trùng.

Chương 3: Phương pháp phòng trị bệnh cá tôm

Thời gian: 11 giờ (LT: 3 giờ; TH: 8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nắm vững các nguyên tắc và biện pháp tổng hợp để phòng bệnh cá, tôm;
- Thực hiện được một số phương pháp trong phòng trị bệnh trên cá, tôm.

2. Nội dung chương:

2.1. Tầm quan trọng của công tác phòng trị bệnh cá tôm.

2.2. Nguyên tắc và biện pháp tổng hợp để phòng trị bệnh cá tôm.

2.3. Các nguyên tắc chính để phòng bệnh trên cá, tôm.

2.4. Một số phương pháp trị bệnh cá, tôm.

2.5. Thực hành

Chương 4: Bệnh do vi khuẩn và nấm hại cá

Thời gian: 12 giờ (LT: 4 giờ; TH: 8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Phân biệt được bệnh do vi khuẩn hoặc do nấm hại cá.

2. Nội dung chương:

2.1. Bệnh do vi khuẩn.

2.2. Bệnh do nấm ký sinh.

2.3. Bệnh lở loét, còn gọi là hội chứng dịch bệnh lở loét trên cá (EUS: Epizootic Ulcerative Syndrome)

2.4. Thực hành

Chương 5: Bệnh do nguyên sinh động vật (ngành protozoa)

Thời gian: 6 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận diện được bệnh do nguyên sinh động vật gây hại cho cá nuôi;
- Phân biệt được các nhóm nguyên sinh động vật gây hại cho cá nuôi.

2. Nội dung chương:

2.1. Lớp trùng roi (Flagellata)

- 2.2. Lớp bào tử trùng (Sporozoa)
- 2.3. Lớp thích bào tử trùng (Cnidosporidia)
- 2.4. Lớp tiêm mao trùng (Ciliata)
- 2.5. Thực hành

Chương 6: Bệnh do ngành giun sán ký sinh trên cá

Thời gian: 6 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ)

- 1. Mục tiêu:
 - Nhận diện được bệnh do giun sán ký sinh trên cá;
 - Xác định được loài giun sán ký sinh trên cá.
- 2. Nội dung chương:

- 2.1. Lớp sán lá đơn chủ (*Monogenea*)
- 2.2. Lớp sán lá song chủ (*Digenea*)
- 2.3. Giun tròn (*Nematoda*)
- 2.4. Giun đầu móc (*Acanthocephala*)
- 2.5. Thực hành

Chương 7: Bệnh do ngành giáp xác và các phi sinh vật khác

Thời gian: 7 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

- 1. Mục tiêu:
 - Nhận diện được bệnh do giáp xác ký sinh trên cá;
 - Nhận diện được bệnh do các vi sinh vật khác gây hại trên cá.
- 2. Nội dung chương:

- 2.1. Bệnh do ngành giáp xác
- 2.2. Bệnh do các vi sinh vật khác.
- 2.3. Thực hành

Chương 8: Những khái niệm và phương pháp cơ bản nghiên cứu bệnh tôm

Thời gian: 7 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

- 1. Mục tiêu:
 - Hiểu được các nguyên nhân và điều kiện phát sinh bệnh ở tôm;
 - Nắm vững phương pháp thu và bảo quản mẫu bệnh trên tôm.

2. Nội dung chương:

2.1. Nguyên nhân và điều kiện phát sinh bệnh ở tôm nuôi

2.2. Phương pháp thu và bảo quản mẫu chẩn đoán bệnh tôm

2.3. Phương pháp phát hiện bệnh ở tôm nuôi

2.4. Phương pháp chẩn đoán bệnh

2.5. Thực hành

Chương 9: Bệnh do virus hại tôm

Thời gian: 6 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận diện được bệnh do virus hại tôm;
- Phân biệt được từng loại virus gây bệnh cho tôm.

2. Nội dung chương:

2.1. Bệnh MBV (Monodon Baculovirus)

2.2. Bệnh đầu vàng

2.3. Bệnh đốm trắng

2.4. Thực hành

Chương 10: Bệnh do vi khuẩn hại tôm

Thời gian: 8 giờ (LT: 3 giờ; TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận diện được bệnh do vi khuẩn hại tôm;
- Phân biệt được từng loại vi khuẩn gây bệnh cho tôm.

2. Nội dung chương:

2.1. Bệnh phát sáng

2.2. Bệnh Vibrio

2.3. Bệnh đốm nâu, đốm đen

2.4. Bệnh vi khuẩn dạng sợi

2.5. Thực hành

Chương 11: Bệnh nấm, nguyên sinh động vật hại tôm

Thời gian: 6 giờ (LT: 2 giờ; TH: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nhận diện được bệnh do nấm hay nguyên sinh động vật hại tôm;
- Phân biệt được bệnh do nấm hay nguyên sinh động vật hại tôm.

2. Nội dung chương:

2.1. Bệnh nấm Mycosis

2.2. Bệnh do vi sinh vật bám

2.3. Thực hành

Chương 12: Bệnh do các nguyên nhân khác hại tôm

Thời gian: 12 giờ (LT: 3 giờ; TH: 8 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Xác định được bệnh do các nguyên nhân khác nhau gây hại cho tôm.

2. Nội dung chương:

2.1. Bệnh mang (mang đen, mang đỏ, phỏng nắp mang)

2.2. Bệnh hoại cơ

2.3. Bệnh cong thân

2.4. Bệnh lột xác không thành công

2.5. Thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, thực hành

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.

4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu: Hiểu được các nguyên nhân và điều kiện gây bệnh cho cá, tôm. Các phương pháp phòng và trị bệnh trên động vật thủy sản.

- Kỹ năng: Nhận biết được từng loại bệnh gây hại cho cá, tôm và phương pháp phòng trị cho từng loại bệnh hại.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Bệnh học thủy sản dùng giảng dạy cho người học trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho người học, giúp cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 1, 3, 4, 5, 6, 9, 10, 12.

4. Tài liệu tham khảo:

- Từ Thanh Dung- Đặng Thị Hoàng Oanh- Trần Thị Tuyết Hoa, 2005. *Giáo trình Bệnh học thủy sản*. Đại học Cần Thơ.

- Từ Thanh Dung, Margaret Crumlish, Nguyễn Thị Như Ngọc, Nguyễn Quốc Thịnh và Đặng Thụy Mai Thy, 2004. *Xác định vi khuẩn gây bệnh trắng gan trên cá tra (Pangasius hypophthalmus)*. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ.

- Nguyễn Lâm Dũng, 2000. Vi sinh học. Nhà xuất bản Giáo dục.

- Đỗ Thị Hoà, Bùi Quang Tề, Nguyễn Hữu Dũng, 2004. *Giáo trình Bệnh học thủy sản*. Nhà xuất bản Nông nghiệp. 423 trang.

- Trần Thị Thanh Hiền, Nguyễn Anh Tuấn, Huỳnh Thị Tú, 2004. *Giáo trình Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản*. Đại học Cần Thơ.

- Nguyễn Ngọc Nhiên, 1992. *Phương pháp nghiên cứu vi sinh vật gây bệnh*.
- Quản lý sức khỏe ao nuôi tôm. Khoa Thủy Sản, Đại học Cần Thơ dịch. 2002.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: THỰC TẬP CHUYÊN MÔN

Mã môn học: MH03268

Thời gian thực hiện môn học: 135 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 134 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 4 sau khi đã học xong các môn học chung, môn học cơ sở, môn học chuyên ngành bắt buộc và môn học có liên quan đến nội dung thực tập chuyên môn.

- Tính chất của môn học: Là môn học bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Hiểu rõ các kiến thức chuyên môn của ngành/ nghề học.

- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào nội dung thực tập.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có thái độ nghiêm túc và chăm chỉ để hoàn thành nội dung nội dung thực tập; Chấp hành tốt nội qui làm việc được qui định tại nơi tham gia thực tập; Mạnh dạn áp dụng các kiến thức thu được trong học tập vào ứng dụng thực tế.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Viết đề cương thực tập 1.1. Giáo viên hướng dẫn và học sinh thảo luận về đề cương thực tập 1.2. Người học thực hiện viết đề cương thực tập 1.3. Giáo viên hướng dẫn sửa đề cương	8		8	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	thực tập 1.4. Người học chỉnh sửa và hoàn tất đề cương thực tập				
2	Chương 2: Xét duyệt đề cương 2.1. Người học nộp đề cương thực tập cho bộ môn 2.2. Hội đồng bộ môn thông qua đề cương thực tập 2.3. Người học chỉnh sửa đề cương theo góp ý của bộ môn	4		4	
3	Chương 3: Thực tập thực tế 3.1. Người học xuống điểm thực tập 3.2. Người học thực hiện các nội dung thực tập theo đề cương dưới sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên hướng dẫn	107		107	
4	Chương 4: Viết báo cáo 4.1. Người học hoàn chỉnh số liệu và xử lý số liệu dưới sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên hướng dẫn 4.2. Người học thực hiện viết báo cáo và nộp cho giáo viên hướng dẫn góp ý 4.3. Người học thực hiện viết báo cáo và nộp cho giáo viên hướng dẫn	16		15	1
	Cộng	135		134	1

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Viết đề cương thực tập

Thời gian: 8 giờ (TH: 8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Viết được đề cương thực tập theo đúng yêu cầu về nội dung và hình thức.

2. Nội dung chương:

2.1. Giáo viên hướng dẫn và học sinh thảo luận về đề cương thực tập

2.2. Người học thực hiện viết đề cương thực tập

2.3. Giáo viên hướng dẫn sửa đề cương thực tập

2.4. Người học hoàn tất đề cương thực tập

Chương 2: Xét duyệt đề cương

Thời gian: 8 giờ (TH: 8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu đầy đủ các yêu cầu về nội dung và phương pháp của đề cương.

2. Nội dung chương:

2.1. Người học nộp đề cương thực tập cho bộ môn

2.2. Hội đồng bộ môn thông qua đề cương thực tập

2.3. Người học chỉnh sửa đề cương theo góp ý của bộ môn

Chương 3: Thực tập thực tế

Thời gian: 103 giờ (TH: 103 giờ)

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện đúng các phương pháp của từng nội dung thực tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Người học xuống điểm thực tập

2.2. Người học thực hiện các nội dung thực tập theo đề cương dưới sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên hướng dẫn

Chương 4: Viết báo cáo

Thời gian: 16 giờ (TH: 15 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học để xử lý số liệu thu thập được trong thời gian thực tập theo đúng yêu cầu;

- Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành báo cáo.

2. Nội dung chương:

2.1. Người học hoàn chỉnh số liệu và xử lý số liệu dưới sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên hướng dẫn

2.2. Người học thực hiện viết báo cáo và nộp cho giáo viên hướng dẫn góp ý

2.3. Người học hoàn chỉnh báo cáo và nộp cho giáo viên hướng dẫn

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Không

2. Trang thiết bị máy móc: Các dụng cụ, thiết bị theo từng quy trình cụ thể.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung thực tập.

4. Các điều kiện khác: Theo yêu cầu của từng quy trình.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua kết quả thực tế, bài báo cáo của học sinh.

- Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào việc thực hiện quy trình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Thực hiện đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, trung thực.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua điểm chuyên cần và bài báo cáo, bài phải đạt $\geq 5,0$ theo khung điểm 10.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Thực tập chuyên môn dùng giảng dạy cho người học đào tạo trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên hướng dẫn và tạo điều kiện cho người học chủ động, tích cực trong quá trình thực tập để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 1, 3, 4.

4. Tài liệu tham khảo:

- Cao Văn Thích, 2012, *Bài giảng môn Phương pháp thí nghiệm*. Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang.

- Các tài liệu chuyên môn có liên quan đến nội dung thực tập.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: KIẾN TẬP

Mã môn học: MH01101

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 44 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 4 sau khi đã học xong các môn học chung, môn học cơ sở, môn học chuyên môn.

- Tính chất của môn học: Là môn học bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Hiểu rõ quy trình, tổ chức hoạt động của cơ sở sản xuất – kinh doanh, trang trại... tại các điểm đến thực tập kiến tập.

- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học và tình hình thực tế tại các điểm thực tập kiến tập vào thực tiễn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có thái độ nghiêm túc trong thời gian thực tập kiến tập; chấp hành tốt nội quy, quy định của điểm thực tập kiến tập; mạnh dạn áp dụng các kiến thức thu được trong kỳ kiến tập vào ứng dụng thực tế.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Chuẩn bị trước khi thực tập kiến tập 1.1. Thảo luận mục đích yêu cầu của đợt thực tập kiến tập 1.2. Xây dựng kế hoạch thực tập kiến tập	5		5	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	1.3. Triển khai đề cương thực tập kiến tập				
2	Chương 2: Thực hiện kế hoạch thực tập kiến tập 2.1. Người học đi đến điểm thực tập kiến tập theo kế hoạch 2.2. Thực hiện các nội dung thực tập kiến tập theo yêu cầu	35		35	
3	Chương 3: Viết báo cáo 3.1. Người học thực hiện viết báo cáo và nộp cho giáo viên hướng dẫn góp ý 3.2. Người học hoàn chỉnh báo cáo và nộp cho bộ môn sau khi được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn	5		4	1
	Cộng	45	0	44	1

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Chuẩn bị trước khi thực tập kiến tập

Thời gian: 5 giờ (TH: 5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Chọn được các nội dung và điểm kiến tập phù hợp với ngành/ nghề học;
- Viết được đề cương phù hợp với mục tiêu và nội dung của đợt thực tập kiến tập.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Thảo luận mục đích yêu cầu của đợt thực tập kiến tập
- 2.2. Xây dựng kế hoạch thực tập kiến tập
- 2.3. Triển khai đề cương thực tập kiến tập

Chương 2: Thực hiện kế hoạch thực tập kiến tập

Thời gian: 35 giờ (TH: 35 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các quy trình, tổ chức hoạt động của các cơ sở đến thực tập kiến tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Người học đi đến điểm thực tập kiến tập theo kế hoạch

2.2. Thực hiện các nội dung thực tập kiến tập theo yêu cầu

Chương 3: Viết báo cáo

Thời gian: 5 giờ (TH: 4 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học và những nội dung đã được quan sát tại cơ sở thực tập kiến tập để hoàn thành báo cáo.

2. Nội dung chương:

2.1. Người học thực hiện viết báo cáo và nộp cho giáo viên hướng dẫn góp ý

2.2. Người học hoàn chỉnh báo cáo và nộp cho bộ môn sau khi được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Không

2. Trang thiết bị máy móc: Các dụng cụ, thiết bị theo từng đề tài cụ thể.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung thực tập kiến tập.

4. Các điều kiện khác: Theo yêu cầu của nội dung thực tập kiến tập.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài báo cáo của học sinh cần đạt các yêu cầu: Đáp ứng mục tiêu, nội dung của đợt thực tập kiến tập.

- Kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học và thực tế đã quan sát tại các điểm thực tập kiến tập.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Thực hiện đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, trung thực.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua qua điểm chuyên cần, bài báo cáo và bài phải đạt $\geq 5,0$ theo khung điểm 10.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Thực tập kiến tập được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên hướng dẫn và tạo điều kiện cho người học chủ động, tích cực trong thời gian đi thực tập kiến tập để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực quan sát, vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 2, 3.

4. Tài liệu tham khảo:

- Các tài liệu chuyên môn có liên quan đến nội dung thực tập kiến tập.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Mã môn học: MH05284

Thời gian thực hiện môn học: 225 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 224 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 4 sau khi đã học xong các môn học chung, môn học cơ sở, môn học chuyên môn.

- Tính chất của môn học: Là môn học bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Hiểu rõ các kiến thức chuyên môn của nội dung chuyên đề thực tập.

- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào nội dung chuyên đề thực tập.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có thái độ nghiêm túc và chăm chỉ để hoàn thành nội dung nội dung chuyên đề thực tập; Chấp hành tốt nội qui làm việc được qui định tại nơi tham gia thực tập; Mạnh dạn áp dụng các kiến thức thu được trong học tập vào ứng dụng thực tế.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Chuẩn bị trước khi viết đề cương thực tập 1.1. Người học chọn đề tài 1.2. Người học chọn giáo viên hướng dẫn 1.3. Người học gửi tên đề tài để giáo viên	16		16	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	hướng dẫn xem xét 1.4. Bộ môn phân công người học thực tập tốt nghiệp và giáo viên hướng dẫn 1.5. Trình bảng phân công để Hiệu trưởng xem xét quyết định				
2	Chương 2: Viết đề cương thực tập 2.1. Người học thực hiện viết đề cương thực tập 2.2. Giáo viên hướng dẫn và học sinh thảo luận về đề cương thực tập 2.3. Người học hoàn tất đề cương thực tập	24		24	
3	Chương 3: Xét duyệt đề cương 3.1. Người học nộp đề cương thực tập cho bộ môn 3.2. Hội đồng bộ môn thông qua đề cương thực tập 3.3. Người học chỉnh sửa đề cương theo góp ý của bộ môn	8		8	
4	Chương 4: Thực tập thực tế 4.1. Người học xuống điểm thực tập 4.2. Người học thực hiện các nội dung thực tập theo đề cương dưới sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên hướng dẫn	137		137	
5	Chương 5: Viết báo cáo 5.1. Người học hoàn chỉnh số liệu và xử lý	40		39	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	số liệu dưới sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên hướng dẫn 5.2. Người học thực hiện viết báo cáo và nộp cho giáo viên hướng dẫn góp ý 5.3. Người học hoàn chỉnh báo cáo và nộp cho bộ môn sau khi được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn				
	Cộng	225		224	1

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Chuẩn bị trước khi viết đề cương thực tập

Thời gian: 16 giờ (TH: 16 giờ)

1. Mục tiêu:

- Chọn được nội dung đề tài thực hiện phù hợp với ngành/ nghề học;
- Viết được tên đề tài phù hợp với mục tiêu và nội dung.

2. Nội dung chương:

2.1. Người học chọn đề tài

2.2. Người học chọn giáo viên hướng dẫn

2.3. Người học gửi tên đề tài để giáo viên hướng dẫn xem xét

2.4. Bộ môn phân công người học thực tập tốt nghiệp và giáo viên hướng dẫn

1.5. Trình bảng phân công để Hiệu trưởng xem xét quyết định

Chương 2: Viết đề cương thực tập

Thời gian: 24 giờ (TH: 24 giờ)

1. Mục tiêu:

- Viết được đề cương thực tập theo đúng yêu cầu về nội dung và hình thức.

2. Nội dung chương:

2.1. Người học thực hiện viết đề cương thực tập

2.2. Giáo viên hướng dẫn và học sinh thảo luận về đề cương thực tập

2.3. Người học hoàn tất đề cương thực tập

Chương 3: Xét duyệt đề cương

Thời gian: 8 giờ (TH: 8 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu đầy đủ các yêu cầu về nội dung và phương pháp của đề cương tiểu luận.

2. Nội dung chương:

2.1. Người học nộp đề cương thực tập cho bộ môn

2.2. Hội đồng bộ môn thông qua đề cương thực tập

2.3. Người học chỉnh sửa đề cương theo góp ý của bộ môn

Chương 4: Thực tập thực tế

Thời gian: 137 giờ (TH: 137 giờ)

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện đúng các phương pháp của từng nội dung tiểu luận.

2. Nội dung chương:

2.1. Người học xuống điểm thực tập

2.2. Người học thực hiện các nội dung thực tập theo đề cương dưới sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên hướng dẫn

Chương 5: Viết báo cáo

Thời gian: 40 giờ (TH: 39 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học để xử lý số liệu thu thập được trong thời gian thực tập theo đúng yêu cầu;

- Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành báo cáo, theo mục tiêu của tiểu luận.

2. Nội dung chương:

2.1. Người học sinh hoàn chỉnh số liệu và xử lý số liệu dưới sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên hướng dẫn

2.2. Người học thực hiện viết báo cáo và nộp cho giáo viên hướng dẫn góp ý

2.3. Người học hoàn chỉnh báo cáo và nộp cho bộ môn sau khi được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Không

2. Trang thiết bị máy móc: Các dụng cụ, thiết bị theo từng đề tài cụ thể.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung đề tài.

4. Các điều kiện khác: Theo yêu cầu của đề tài.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài tiểu luận của người học cần đạt các yêu cầu: Đáp ứng mục tiêu, nội dung và phương pháp của từng đề tài cụ thể.

- Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào việc thực hiện đề tài.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Thực hiện đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, trung thực.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua điểm chuyên cần, báo cáo tiểu luận và bài phải đạt $\geq 5,0$ theo khung điểm 10;

- Điểm chuyên cần do giáo viên hướng dẫn chấm;

- Điểm báo cáo (điểm thi) là điểm trung bình chung của 2 giáo viên chấm phản biện.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Thực tập tốt nghiệp được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên hướng dẫn và tạo điều kiện cho người học chủ động, tích cực trong quá trình thực tập để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 2, 4, 5.

4. Tài liệu tham khảo:

- Cao Văn Thích, *Bài giảng môn Phương pháp thí nghiệm*. Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang.

- Các tài liệu chuyên môn có liên quan đến nội dung thực tập.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: KINH TẾ THỦY SẢN

Mã môn học: MH02106

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3
- Tính chất của môn học: Là môn học chuyên môn tự chọn.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Nắm những kiến thức cơ bản về kinh tế, các yếu tố liên quan đến sự rủi ro trong sản xuất thủy sản, để xây dựng kế hoạch sản xuất nhằm hạn chế thấp nhất sự rủi ro có thể xảy ra.

- Về kỹ năng: Đánh giá được nhu cầu thị trường, dự đoán được nguồn cung cấp sản lượng thủy sản, hạch toán được kinh tế cho quá trình sản xuất thủy sản.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Bối cảnh chung của ngành thủy sản 1.1. Tài nguyên và sự phát triển kinh tế. 1.2. Tình hình chung của nông nghiệp thế giới. 1.3. Tình hình chung của thủy sản thế giới. 1.4. Vai trò và quá trình phát triển của ngành thủy sản Việt Nam. 1.5. Quan điểm tiếp cận theo hệ thống và	4	4		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	khái niệm về phát triển bền vững.				
2	Chương 2: Các khái niệm cơ bản trong kinh tế và quản lý 2.1. Các khái niệm cơ bản trong kinh tế. 2.2. Các khái niệm cơ bản trong quản lý. 2.3. Khái niệm và đặc điểm của nuôi trồng thủy sản 2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới loại hình sản xuất thủy sản. 2.5. Đất đai và diện tích mặt nước. 2.6. Vốn của doanh nghiệp. 2.7. Lao động trong ngành thủy sản. 2.8. Một số lưu ý đối với việc cung ứng các yếu tố đầu vào cho sản xuất. 2.9. Ý nghĩa tiền tệ của thời gian.	6	6		
3	Chương 3: Chi phí thu nhập và lợi nhuận 3.1. Chi phí của doanh nghiệp. 3.2. Sản lượng và thu nhập của doanh nghiệp. 3.3 Lợi nhuận và hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. 3.4. Mối tương quan đầu vào - đầu ra và khái niệm về hàm sản xuất. 3.5. Các nguyên tắc kinh tế cơ bản để tối đa	8	7		1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	hóa lợi nhuận. 3.6. Một số lưu ý đối với quy mô của doanh nghiệp. 3.7. Ứng dụng chi phí-thu nhập-lợi nhuận trong hoạch định.				
4	Chương 4: Nghiên cứu thị trường trong ngành thủy sản 4.1. Các nền kinh tế, các câu hỏi cơ bản và hướng giải quyết. 4.2. Khái niệm về thị trường và marketing. 4.3. Lý thuyết Cung - cầu. 4.4. Khái niệm về marketing và hiệu quả marketing. 4.5. Nghiên cứu thị trường. 4.6. Đo lường và tiên đoán nhu cầu thị trường. 4.7. Tình hình thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản và dự báo.	6	6		
5	Chương 5: Quản lý rủi ro trong sản xuất kinh doanh 5.1. Khái niệm về rủi ro. 5.2. Đo lường rủi ro và thái độ đối với rủi ro. 5.3. Chiến lược quản lý rủi ro. 5.4. Ước lượng hiệu quả sản xuất kinh doanh có tính tới rủi ro.	6	5		1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	5.5. Khái niệm về bảo hiểm.				
	Cộng	30	28		2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Bối cảnh chung của ngành thủy sản

Thời gian: 4 giờ (LT: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được tình hình sản xuất thủy sản của Việt Nam và nhu cầu của thế giới.
- Sản xuất thủy sản theo sự phát triển bền vững chung của thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

2. Nội dung chương:

2.1. Tài nguyên và sự phát triển kinh tế.

2.2. Tình hình chung của nông nghiệp thế giới.

2.3. Tình hình chung của thủy sản thế giới.

2.4. Vai trò và quá trình phát triển của ngành thủy sản Việt Nam.

2.5. Quan điểm tiếp cận theo hệ thống và khái niệm về phát triển bền vững.

Chương 2: Các khái niệm cơ bản trong kinh tế và quản lý

Thời gian: 6 giờ (LT: 6 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được đặc điểm của nuôi trồng thủy sản; một số yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất thủy sản;
- Dự tính được các yếu tố đầu vào cho quá trình sản xuất.

2. Nội dung chương:

2.1. Các khái niệm cơ bản trong kinh tế.

2.2. Các khái niệm cơ bản trong quản lý.

2.3. Khái niệm và đặc điểm của nuôi trồng thủy sản

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới loại hình sản xuất thủy sản.

- 2.5. Đất đai và diện tích mặt nước.
- 2.6. Vốn của doanh nghiệp.
- 2.7. Lao động trong ngành thủy sản.
- 2.8. Một số lưu ý đối với việc cung ứng các yếu tố đầu vào cho sản xuất.
- 2.9. Ý nghĩa tiền tệ của thời gian.

Chương 3: Chi phí thu nhập và lợi nhuận

Thời gian: 8 giờ (LT: 7 giờ; KT: 1 giờ)

- 1. Mục tiêu:
 - Hạch toán được hiệu quả kinh tế trong quá trình sản xuất;
 - Xây dựng biện pháp nhằm tăng tối đa lợi nhuận trong sản xuất thủy sản.
- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Chi phí của doanh nghiệp.
 - 2.2. Sản lượng và thu nhập của doanh nghiệp.
 - 2.3. Lợi nhuận và hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp.
 - 2.4. Môi trường quan đầu vào - đầu ra và khái niệm về hàm sản xuất.
 - 2.5. Các nguyên tắc kinh tế cơ bản để tối đa hóa lợi nhuận.
 - 2.6. Một số lưu ý đối với quy mô của doanh nghiệp.
 - 2.7. Ứng dụng chi phí-thu nhập-lợi nhuận trong hoạch định.

Chương 4: Nghiên cứu thị trường trong ngành thủy sản

Thời gian: 6 giờ (LT: 6 giờ)

- 1. Mục tiêu:
 - Phân tích được thị trường tiêu thụ thủy sản; Dự báo được cung – cầu trong sản xuất thủy sản;
 - Thực hiện hiệu quả marketing trong sản xuất và kinh doanh thủy sản.
- 2.1. Các nền kinh tế, các câu hỏi cơ bản và hướng giải quyết.
- 2.2. Khái niệm về thị trường và marketing.
- 2.3. Lý thuyết Cung - cầu.
- 2.4. Khái niệm về marketing và hiệu quả marketing.

2.5. Nghiên cứu thị trường.

2.6. Đo lường và tiên đoán nhu cầu thị trường.

2.7. Tình hình thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản và dự báo.

Chương 5: Quản lý rủi ro trong sản xuất kinh doanh

Thời gian: 6 giờ (LT: 5 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Đánh giá được mức độ rủi ro có thể xảy ra trong quá trình sản xuất thủy sản;
- Thực hiện quản lý và điều chỉnh sự rủi ro ở mức thấp nhất trong sản xuất và kinh doanh thủy sản.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm về rủi ro.

2.2. Đo lường rủi ro và thái độ đối với rủi ro.

2.3. Chiến lược quản lý rủi ro.

2.4. Ước lượng hiệu quả sản xuất kinh doanh có tính tới rủi ro.

2.5. Khái niệm về bảo hiểm.

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, thực hành
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.
4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận, người học cần đạt các yêu cầu: Hiểu được các khái niệm về kinh tế, hạch toán kinh tế trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Kỹ năng: Nhận biết được nhu cầu thị trường, các yếu tố rủi ro trong sản xuất kinh doanh để xây dựng phương pháp sản xuất, kinh doanh phù hợp với sự phát triển bền vững.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Kinh tế thủy sản dùng giảng dạy cho học sinh trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho người học, giúp cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 2, 3, 4, 5.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn: <http://www.agroviat.gov.vn>.

- Bộ Thủy Sản: <http://www.fistenet.gov.vn>; <http://www.mofi.gov.vn>.

- Các bộ luật có liên quan tới các doanh nghiệp hoạt động trên nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt nam: Luật Thủy sản, Luật đất đai, Luật thuế, Luật bảo vệ tài nguyên, Luật doanh nghiệp, Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Luật khuyến khích đầu tư nước ngoài, Luật doanh nghiệp, Pháp lệnh hợp đồng kinh tế, Luật hợp đồng lao động.

- DANIDA, FAO & Bộ Thủy sản 2003. *Dự án nghiên cứu thị trường và tín dụng nghề cá tại Việt Nam*. Báo cáo Hội thảo cuối cùng tháng 3/2003 tại Hà Nội.

- Nguyễn Thị Song An & ctv. 2003. *Quản trị nông trại*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

- Sinh, L.X. (2005). Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ở vùng ngập lũ của Đồng Bằng Sông Cửu Long trong tình hình mới. *Hội thảo khoa học toàn quốc về Môi trường và nguồn lợi thủy sản* do Bộ Thủy sản tổ chức tại Hải Phòng, 14-15/01/2005.

- Sinh, L.X., N.T. Phương & ctv. (2000). Nghiên cứu luận cứ khoa học ứng dụng mô hình cá-lúa ở vùng nông thôn sâu ngập lũ của Đồng Bằng Sông Cửu Long. *Chương Trình Việt Nam-Hà Lan (VNRP) & Bộ Khoa Học-Công Nghệ-Môi Trường*.

- Sinh, L.X., N.T.P. Nga. (2004). Một số nhận xét cơ bản về việc cung cấp và sử dụng hóa chất & thuốc cho nuôi trồng thủy sản ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. *Hội thảo khoa học toàn quốc về nuôi trồng thủy sản*. do Bộ Thủy sản tổ chức tại Vũng Tàu, 22-24/12/2004.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)*

Tên môn học: SỬ DỤNG THUỐC VÀ HÓA CHẤT TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Mã môn học: MH02219

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3.
- Tính chất của môn học: Là môn học chuyên môn tự chọn.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức: Hiểu được cơ chế tác dụng của thuốc và hóa chất; Hiểu tác động thuốc - hóa chất với động vật thủy sản; Sử dụng thuốc và hóa chất an toàn, hợp lý.
- Về kỹ năng: Đánh giá việc sử dụng thuốc và hóa chất; Vận dụng trong phòng - trị bệnh động vật thủy sản.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Giới thiệu môn học	3	3		
	1.1. Giới thiệu môn học				
	1.2. Khái niệm thuốc, hóa chất				

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Kiểm tra
	1.3. Khái niệm chế phẩm vi sinh 1.4. Phân biệt thuốc, hóa chất, chế phẩm vi sinh				
2	Chương 2: Vận chuyển, hấp thu, phân bố và thải trừ thuốc và hóa chất 2.1. Vận chuyển thuốc và hóa chất qua các màng sinh học. 2.2. Hấp thu thuốc và hóa chất 2.3. Phân bố thuốc và hóa chất trong cơ thể. 2.4. Thải trừ thuốc và hóa chất	5	5		
3	Chương 3: Các cách tác động của thuốc và hóa chất 3.1. Các cách tác động 3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác động của thuốc và hóa chất	3	2		1
4	Chương 4: Thuốc kháng sinh 4.1. Khái niệm về kháng sinh 4.2. Cơ chế tác động của kháng sinh 4.3. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh 4.4. Cơ chế đề kháng của vi khuẩn 4.5. Phân loại kháng sinh	3	3		
5	Chương 5: Hóa chất trong nuôi trồng thủy sản (NTTS)	5	5		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Kiểm tra
	5.1. Nhóm khử trùng, xử lý môi trường 5.2. Nhóm diệt ký sinh trùng 5.3. Nhóm chất hấp phụ 5.4. Nhóm chất gây màu nước, diệt cá tạp				
6	Chương 6: Các phương pháp sử dụng thuốc trong NTTS 6.1. Các phương pháp đưa thuốc qua môi trường 6.2. Phương pháp đưa thuốc qua đường tiêu hóa 6.3. Phương pháp tiêm thuốc và điều trị tại chỗ	5	5		
7	Chương 7: Thuốc và hóa chất thường dùng trong NTTS 7.1. Nhóm trị bệnh vi khuẩn 7.2. Nhóm trị bệnh ký sinh trùng 7.3. Nhóm cải tạo môi trường 7.4. Nhóm vaccine và kháng huyết thanh 7.5. Các chế phẩm sinh học 7.6. Một số hóa chất khác 7.7. Các thuốc và hóa chất cấm sử dụng trong NTTS	6	5		1
	Cộng	30	28		2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Giới thiệu môn học

Thời gian: 3 giờ (LT: 3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các khái niệm về thuốc, hóa chất và chế phẩm sinh học;
- Phân biệt được sự khác biệt giữa thuốc, hóa chất và chế phẩm sinh học.

2. Nội dung chương:

2.1. Giới thiệu môn học

2.2. Khái niệm thuốc, hóa chất

2.3. Khái niệm chế phẩm vi sinh

2.4. Phân biệt thuốc, hóa chất, chế phẩm vi sinh

Chương 2: Vận chuyển, hấp thu, phân bố và thải trừ thuốc và hóa chất

Thời gian: 5 giờ (LT: 5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được quá trình vận chuyển và phân bố thuốc và hóa chất trong cơ thể;
- Hiểu được quá trình hấp thu và thải trừ thuốc và hóa chất trong cơ thể.

2. Nội dung chương:

2.1. Vận chuyển thuốc và hóa chất qua các màng sinh học

2.2. Hấp thu thuốc và hóa chất

2.3. Phân bố thuốc và hóa chất trong cơ thể

2.4. Thải trừ thuốc và hóa chất

Chương 3: Các cách tác động của thuốc và hóa chất

Thời gian: 3 giờ (LT: 2 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các cách tác động của thuốc và hóa chất lên cơ thể;
- Hiểu được được các yếu tố ảnh hưởng đến tác động của thuốc và hóa chất.

2. Nội dung chương:

2.1. Các cách tác động

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác động của thuốc và hóa chất

Chương 4: Thuốc kháng sinh

Thời gian: 3 giờ (LT: 3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các tác động của kháng sinh lên cơ thể;
- Biết cách phân loại kháng sinh và sử dụng hợp lý.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm về kháng sinh

2.2. Cơ chế tác động của kháng sinh

2.3. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh

2.4. Cơ chế đề kháng của vi khuẩn

2.5. Phân loại kháng sinh

Chương 5: Hóa chất trong nuôi trồng thủy sản (NTTS)

Thời gian: 5 giờ (LT: 5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết phân loại các nhóm hóa chất khi sử dụng trong NTTS.
- Hiểu cách sử dụng các nhóm hóa chất trong NTTS.

2. Nội dung chương:

2.1. Nhóm khử trùng, xử lý môi trường

2.2. Nhóm diệt ký sinh trùng

2.3. Nhóm chất hấp phụ

2.4. Nhóm chất gây màu nước, diệt cá tạp

Chương 6: Các phương pháp sử dụng thuốc trong NTTS

Thời gian: 5 giờ (LT: 5 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các phương pháp sử dụng thuốc trong NTTS; vận dụng phù hợp các phương pháp trong thực tiễn.

2. Nội dung chương:

2.1. Các phương pháp đưa thuốc qua môi trường

2.2. Phương pháp đưa thuốc qua đường tiêu hóa

2.3. Phương pháp tiêm thuốc và điều trị tại chỗ

Chương 7: Thuốc và hóa chất thường dùng trong NTTS

Thời gian: 6 giờ (LT: 5 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Phân biệt được các nhóm thuốc và hóa chất dùng trong phòng trị bệnh cho động vật thủy sản.

2. Nội dung chương:

2.1. Nhóm trị bệnh vi khuẩn

2.2. Nhóm trị bệnh ký sinh trùng

2.3. Nhóm cải tạo môi trường

2.4. Nhóm vaccine và kháng huyết thanh

2.5. Các chế phẩm sinh học

2.6. Một số hóa chất khác

2.7. Các thuốc và hóa chất cấm sử dụng trong NTTS

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác: Không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày và hiểu được các loại thuốc và hóa chất dùng trong phòng trị bệnh động vật thủy sản.

- Kỹ năng: Đánh giá khả năng phòng - trị bệnh động vật thủy sản.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Sử dụng thuốc và hóa chất thủy sản dùng giảng dạy cho học sinh đào tạo trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho người học, làm cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 4, 5, 6, 7.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bùi Thị Nho, 2003. *Thuốc kháng sinh và nguyên tắc sử dụng trong chăn nuôi*. NXB Hà Nội.

- Brown. L. 1993. *Aquaculture for Veterinarians Fish Husbandry and Medicine*.

- Phan Thị Thanh Vân, 2014. *Tài liệu giảng dạy Sử dụng thuốc và hóa chất trong Nuôi trồng Thủy sản*. Đại học An Giang.

- Phạm Khắc Hiếu, Lê Thị Ngọc Điệp, 1997. *Dược lý học thú y*. NXB Nông Nghiệp.

- Từ Thanh Dung. 2005. *Giáo trình Bệnh học thủy sản*. Đại học Cần Thơ.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 947/QĐ-KTTH, ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật – Tổng hợp An Giang)

Tên môn học: AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Mã môn học: MH02004

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí của môn học: Môn học được phân bố ở học kỳ 3.
- Tính chất của môn học: Là môn học chuyên môn tự chọn.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Về kiến thức: Nắm những kiến thức cơ bản về an toàn lao động, các yếu tố liên quan đến mất an toàn trong lao động. Nhằm hạn chế tối đa những thiệt hại do tai nạn lao động gây ra trong quá trình làm việc.

- Về kỹ năng: Đánh giá được các yếu tố liên quan đến tai nạn lao động có thể xảy ra, từ đó chủ động trong công tác phòng tránh tai nạn lao động.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với môn học.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Những vấn đề chung về an toàn lao động 1.1. Khái niệm chung. 1.2. Khái niệm, mục đích, ý nghĩa, tính chất của công tác bảo hộ lao động. 1.3. Những nội dung của công tác bảo hộ lao động. 1.4. Mối quan hệ giữa bảo hộ lao động với môi trường.	3	3		
2	Chương 2: Pháp luật, chế độ chính sách bảo	4	4		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	hộ lao động 2.1. Hệ thống luật pháp chế độ chính sách bảo hộ lao động của Việt Nam. 2.2. Những nội dung về an toàn vệ sinh lao động trong bộ luật lao động. 2.3. Những vấn đề khác có liên quan đến công tác bảo hộ lao động trong bộ luật lao động 2.4. Nội dung công tác bảo hộ lao động trong doanh nghiệp				
3	Chương 3: Kỹ thuật an toàn trong xây dựng ao 3.1. Kỹ thuật bảo quản máy 3.2. Kỹ thuật an toàn khi sử dụng máy. 3.3. Kỹ thuật an toàn khi đào ao.	3	3		
4	Chương 4: Kỹ thuật an toàn về điện 4.1. Nguyên nhân và tác hại của tai nạn điện. 4.2. Các biện pháp an toàn về điện. 4.3. Cấp cứu người bị tai nạn do điện. 4.4. Bảo vệ chống sét.	4	3		1
5	Chương 5: An toàn trong hóa chất 5.1. Đặc tính chung của hóa chất độc. 5.2. Tác hại của chất độc. 5.3. Các biện pháp phòng tránh.	3	3		
6	Chương 6: Kỹ thuật phòng cháy và chữa	3	3		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	cháy 6.1. Khái niệm về cháy nổ. 6.2. Nguyên nhân gây ra cháy và các biện pháp phòng ngừa. 6.3. Các phương tiện chữa cháy.				
7	Chương 7: Vệ sinh lao động trong sản xuất 7.1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học vệ sinh lao động. 7.2. Những nhân tố ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa. 7.3. Ảnh hưởng của tình trạng mệt mỏi và tư thế lao động. 7.4. Ảnh hưởng của điều kiện khí hậu đối với cơ thể 7.5. Bụi trong sản xuất. 7.6. Tiếng ồn và rung động trong sản xuất. 7.7. Chiếu sáng trong sản xuất. 7.8. Phương tiện bảo vệ cá nhân.	8	7		1
	Cộng	30	28		2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Những vấn đề chung về an toàn lao động

Thời gian: 3 giờ (LT: 3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được khái niệm về an toàn lao động, ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động;
- Biết được mối quan hệ giữa bảo hộ lao động với môi trường.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm chung.

2.2. Khái niệm, mục đích, ý nghĩa, tính chất của công tác bảo hộ lao động.

2.3. Những nội dung của công tác bảo hộ lao động.

2.4. Mối quan hệ giữa bảo hộ lao động với môi trường.

Chương 2: Pháp luật, chế độ chính sách bảo hộ lao động

Thời gian: 4 giờ (LT: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được hệ thống pháp luật của Việt Nam quy định về bảo hộ lao động và an toàn vệ sinh lao động.

2. Nội dung chương:

2.1. Hệ thống luật pháp chế độ chính sách bảo hộ lao động của Việt Nam.

2.2. Những nội dung về an toàn vệ sinh lao động trong bộ luật lao động.

2.3. Những vấn đề khác có liên quan đến công tác bảo hộ lao động trong bộ luật lao động

2.4. Nội dung công tác bảo hộ lao động trong doanh nghiệp

Chương 3: Kỹ thuật an toàn trong xây dựng ao

Thời gian: 3 giờ (LT: 3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nắm được các kỹ thuật an toàn khi sử dụng máy và khi thi công đào ao.

2. Nội dung chương:

2.1. Kỹ thuật bảo quản máy

2.2. Kỹ thuật an toàn khi sử dụng máy.

2.3. Kỹ thuật an toàn khi đào ao.

Chương 4: Kỹ thuật an toàn về điện

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nắm được các nguyên nhân và tác hại của tai nạn do điện gây ra;

- Nắm được các biện pháp an toàn khi sử dụng điện.

2. Nội dung chương:

2.1. Nguyên nhân và tác hại của tai nạn điện.

2.2. Các biện pháp an toàn về điện.

2.3. Cấp cứu người bị tai nạn do điện.

2.4. Bảo vệ chống sét.

Chương 5: An toàn trong hóa chất

Thời gian: 3 giờ (LT: 3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được đặc tính và tác hại của hóa chất độc;
- Nhận diện được từng loại hóa chất và cách sử dụng hóa chất hợp lý.

2. Nội dung chương:

2.1. Đặc tính chung của hóa chất độc.

2.2. Tác hại của chất độc.

2.3. Các biện pháp phòng tránh.

Chương 6: Kỹ thuật phòng cháy và chữa cháy

Thời gian: 3 giờ (LT: 3 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các nguyên nhân và điều kiện phát sinh cháy nổ;
- Biết được các biện pháp phòng ngừa cũng như sử dụng các phương tiện chữa cháy.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm về cháy nổ.

2.2. Nguyên nhân gây ra cháy và các biện pháp phòng ngừa.

2.3. Các phương tiện chữa cháy.

Chương 7: Vệ sinh lao động trong sản xuất

Thời gian: 8 giờ (LT: 7 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Biết được các nguyên nhân làm mất vệ sinh trong lao động sản xuất;
- Khắc phục được việc làm mất vệ sinh lao động trong sản xuất.

2. Nội dung chương:

2.1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học vệ sinh lao động.

- 2.2. Những nhân tố ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa.
- 2.3. Ảnh hưởng của tình trạng mệt mỏi và tư thế lao động.
- 2.4. Ảnh hưởng của điều kiện khí hậu đối với cơ thể
- 2.5. Bụi trong sản xuất.
- 2.6. Tiếng ồn và rung động trong sản xuất.
- 2.7. Chiếu sáng trong sản xuất.
- 2.8. Phương tiện bảo vệ cá nhân.

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, thực hành
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, thiết bị, mẫu.
4. Các điều kiện khác: không.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận, người học cần đạt các yêu cầu: Hiểu được các nguyên nhân gây mất an toàn lao động trong nuôi trồng thủy sản, các biện pháp phòng tránh mất an toàn lao động và các quy định về an toàn lao động.

- Kỹ năng: Nhận biết được từng nguyên nhân gây mất an toàn lao động trong nuôi trồng thủy sản. Chủ động phòng tránh những tai nạn trong lao động có thể xảy ra.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và bài thi kết thúc môn học. Điểm trung bình môn học được tính theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học An toàn lao động trong nuôi trồng thủy sản dùng giảng dạy cho học sinh trình độ trung cấp ngành/ nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế công tác sau khi tốt nghiệp. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho người học, giúp cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 2, 4, 5, 7.

4. Tài liệu tham khảo:

- Luật số 10/2012/QH13: Bộ luật Lao động.

- Luật số 84/2015/QH13: Luật an toàn, vệ sinh lao động.

- Nghị định số 45/2013/NĐ-CP: *Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động.*

- Nghị định số 37/2016/NĐ-CP của Chính phủ : *Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc*

- Thông tư 20/2013/TT-BCT: *Quy định về Kế hoạch và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp*

- Thông tư 31/2014/TT-BCT của Bộ Công Thương: *Về việc quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện*

- Nguyễn Ngọc Nhiên, 1992. *Phương pháp nghiên cứu vi sinh vật gây bệnh.*